DẠO KHẮP HOÀN CẦU

BÙI-THANH-VÂN



HUE

IN TẠI NHÀ IN ĐẮC-LẬP

BÙI-HUY-TÍN CÔNG TY

1929

DẠO KHẮP HOÀN CẦU

BÙI-THANH-VÂN



Lời dẫn trước

Từ ngày tôi về, nhiều Người Pha-Rang-Sa, An-Nam, có lòng vui hỏi tôi có nhờ Nhà-Nước giúp ít nhiều đi chơi chăng? Hạch hỏi như vậy cũng phải, vì thấy tôi không giàu có chi. Tôi trả lời sơ theo lẽ công bình, tôi có nhờ ơn Nhà-Nước về khoản chi tôi đã kể hết trong tờ tôi nhắc việc tôi đi chơi. Quan Trên có lòng thương phát cho tôi một cái giấy Bát-Bô mà thôi (passeport.) Nhờ cái giấy đó, nên đến xứ nào được dạo chơi khắp tùy ý. Tôi biết lo giữ túi bạc phải đầy tràng luôn đặng khỏi nhờ ai giúp. Tôi đã từng trải việc đi chơi xa, nên phải gìn giữ cách ăn ở cho xứng, miễng là tránh khỏi điều kiêu hảnh quá bộ (l'orgueil de chantecler.)

Có nhiều Quan-Lảnh-Sự Pha-Rang-Sa tỏ lòng tốt mời tôi ăn cơm, mà tôi xin chịu lỗi từ ngay. Cũng như trong xứ tôi, không khi nào dám đi ăn tiệc Nhà ai, cho đến Các Quan Lớn tại Triều-Đình Huế lúc có việc riêng đải tiệc có nghĩ đến tôi cho phép dự tiệc, mà tôi cứ xin tha tôi hoài. Các Quan-Lớn là Quan Phụ-Chánh, Quan Nguyễn-hữu-Bài làm chủ Hội-Đồng Tòa Cơ-Mật là ông suôi-gia của tôi, và các Quan Thượng-Thơ.

Bữa tôi trở về đến Saigon, tôi có mua tại nhà Bán-Sách Portail một cái trái-đất, một cái bản đồ toàn-Cầu, mỗi cái giá mười đồng bạc (un globe terrestre et un grand

Phanisphère.) Hiện chưng tại giữa nhà. Lúc nào ngó lên dường như thấy chói sáng ngời đường tàu chạy, xe lửa chạy vui vẻ vô cùng và mau hết sức ngan qua Bầu-Trời. Có nhiều khi dùng mình, vì nhờ những đều nguy hiểm đi đường mà tránh khỏi cả.

Một ngày kia, chưng vừa bước qua Cửa-Miếng-Lâu-Dài (Eternité) tôi ráng xin người canh cửa cho phép tôi nhìn cái Bản-Đồ-Toàn-Cầu đặng cho vui lòng lần chót và in vào một tròng con mắt xứ Đông-Pháp là mẹ đẻ tôi, và vào tròng con mắt kia xứ Pha-Rang-Sa là mẹ vú-sữa tôi.

Huế, Octobre 1929.
BÙI-THANH-VÂN



TABLE

	Pages.
Hué Saigon	5
Singapore	9
Colombo	14
Durban	19
Cape - Town	27
Rio - de Janeiro	32
Santos	34
São - Paulo	46
Montévidéo	37
Buénos - Ayres	38
La Plata	44
Victoria	47
New - Orléans	49
New - York	52
Galveston	59
Cristobal ou Colon	60
Balboa ou Panama	61
Canal de Panama	61
Los - Angèles	65
San - Pédro	66
Long - Béach	66
Yokohama	68
Shimonoseki	70
Motji	70
Nagasaki	70
Hong - Kong	70
Saigon	71
Hué	71



Kể chuyện tôi đi chơi vòng tròn trái đất

(Le tour du monde).

HUẾ VÔ SAIGON

Ngày 23 - 25 Mars 1929

Khi nào tôi muốn đi chơi xa bên nước người ta, thì vợ, con tôi chẳng ưng cho đi. Vì sợ ruổi ro, bỏ việc nhà và tốn phí nhiều.

Việc nhà, tiền bạc, tôi sắp đặt xong hơn một năm, đặng đi chơi vòng tròn trái đất sang qua A-mê rít (Amérique.)

Ngày 21 Mars 1929, tôi xin giấy Bát-Bô (Passeport) đặng phép đi viếng các nước toàn cầu (Pour visiter tous les pays du monde.)

Nhà nước ưng phát cho dấy Bát-Bô cho tôi là vì tôi ngay thẳng, người Nam Kỳ ra ở Trung Kỳ đặng ba mươi tám năm (38), mà phần hai mươi bảy năm (27) ở tại Huế, dân Pha-Rang-Sa, làm tôi Nhà nước Bảo Hộ từ 1892 đến 1923 đặng ơn hưu-trí. Năm nay sáu mươi mốt tuổi (61)

Những vật nên dùng tôi đem theo trong hai cái va lit (valises) nặng cả chừng bốn chục cân tây, một cái áo mưa, một cái áo lạnh gói chung một gói cho tiện ai xách dễ lắm, bởi vì tôi đi chơi xa đã quen rồi. Rương nặng kình càng, thì kẻ vát thấy tôi lạ, đòi tiền nhiều, cẳng không cho người khác chịu giá rẽ. Vậy tôi phải để cho tên trước xách gánh. Thói ấy bên nước An-Nam, Tây-Đen và bên Tàu mà thôi. Chớ bên Tây và Nhựt Bổn tuân theo lệ Quan mà làm ăn.

Ngày thứ bảy, 23 Mars, khi một giờ mười phút chiều, tôi theo xe lửa chạy mau (Rapide) tại Huế. vô đến Tourane hồi ba giờ mười phút. Tôi mua một cái giấy đi xe ô-tô rapide, giá ba chục đồng bạc (30$00), từ Tourane đến Nha-trang, có một hạng mà thôi. Xe chực tại Ga lớn (Gare centrale) theo chiếc xe lửa rapide đặng lấy thơ và chở bộ-hành số mười người mà thôi. Bửa tôi đi, có sáu người Tây-trắng, hai người An-nam, và một người Các-chú, cả là chín người (9). Như có dư một hai người thì phải thêm một cái xe nữa. Xe lớn, ghế ngồi riêng từ người, êm và tốt. Gần bốn giờ chạy vô Quảng-ngãi, ghé nhà hàng lối tám giờ tối cho bộ hành ăn, ngủ trả tiền.

Qua ngày 24 Mars, sáu giờ sáng chạy, Theo lệ thường, thì nội ngày đó, khi tám giờ tối phải đến Nha-trang, vừa gặp xe lửa chạy ban đêm lúc tám giờ rưởi vô Saigon. Song le, xe bửa tôi đi hư máy luôn; nên vô Nha-trang khi hai giờ khuya. Còn xe lửa đợi cho tới mười hai giờ đêm mới chạy về Saigon, té ra không chở thơ và bộ hành ở phía Bắc vào đặng.

Tôi đi xe ô-tô rapide lần thứ nhứt cho biết. Té ra bị trễ như vậy, quá phiền!

Đường Tourane vào Nha-trang mỗi ngày có nhiều xe ô-tô chở người ta đi.

Xe Thơ chạy hai ban ngày thì đến. Giá hạng nhứt chừng 25$00; hạng nhì chừng 12$00.

Xe An-nam và các nước khác không giờ khắc chi. Ban ngày, ban đêm chạy liều. Anh Xớp-phơ muốn ghé đâu tự quyền ảnh. Chở gần gảy xe. Bị phạt luôn mà không sợ chạy gần ba ngày tới Nha-trang. Mỗi người giá 4$50, hoặc 4$00. Giá rẽ cho người nghèo nhờ đi thông thương làm ăn!

Sáng ngày 25 tôi đi xe lửa; chiều sáu giờ rưởi đến Saigon. Ghé nhà ngủ Luc-Tỉnh, không dám phiền Bà-con ruột, anh, em bạn.

Cuộc tôi đi đây, khi tôi còn ở nhà tại Huế đã hỏi thăm, dò mọi việc, đọc sách, nhựt trình, trong mấy năm rồi mới rõ việc đi đường một ít. Tiềm cho ra mối thiệt công khó biết bao !

Tại Saigon, có sở Agence Cook thuộc hảng Ippolito, Rue d'Espagne, và Bureau du Tourisme nơi Hôtel continental, Rue Catinat, có bày cho tôi vài đều hay. Còn chuyện ông Jacques Lê-văn-Đức đã qua đến Paris rồi mà không đặng phép sang nước A mê rít, thì là một khoản dạy khôn cho tôi. Ông có kể trong nhựt trình.

Khi tôi còn ở Huế, tôi đem một số bạc lại nhà Băng Trung Pháp (Banque Franco chinoise) Tôi khai cùng ông chủ Băng rằng tôi đi xa ghé những chỗ kể sau đây. Nhờ ông liệu gởi cho tôi được lãnh mấy nơi đó. Thì ông đổi ra số bạc An gơ lê cả, giao cho tôi một cái thơ cầm đi đâu thì đến nhà Băng của ông, hoặc các Băng quen với hảng ông đặng lãnh lần lần tiêu xài. Thơ đó gọi là lettre circulaire de crédit. Xin lỗi nói tắc việc đem bạc nầy, là vì dễ ; Băng có phận lợi, vẽ cho mình kỷ lưởng và sợ mình đi tìm Băng khác.

Một đồng bạc An Nam (Đông-Pháp) đổi bạc xứ khác thì lỗ gần hai cắt bạc.

Cái hảng tàu Nhựt-Bồn tôi chọn mà đi vòng tròn trái đất tên là Osaka-Shosen-Kaisha :

大	阪	商	船	會	社
O	Saka	Sho	Sen	Kai	Sha

Ở tại Saigon, chỗ nhà giấy họ làm việc tên là Wm. Hale et Cie, con đường quai de Belgique, ngó ra cầu xây Khánh-Hội.

Có hảng tàu Pha-Rang-Sa, An gơ-lê, A-mê rít đi vòng trái đất, mà chạy ngõ khác. Nên tôi không ưng.

Có một mình hảng Nhựt-Bổn chạy đường nầy và ghé : Saigon, Singapore, Colombo, Durban, Cap-Toun (Afrique du Sud) Montévidéo, Buénos-Ayres, Rio de Janeiro, Santos, Vitoria, (Amérique du Sud) New-Orléans, Galveston, Cristobal ou Colon (Amérique du Nord) canal de Panama, Balboa hay là Panama, Los angeles (Californie), Yokohama, Kobé, Hong Kong, Saigon.

Đi giáp vòng đó gần sáu tháng.

Tôi đến nhà giấy Wm. Hale et Cie mua giấy tàu. Ông chủ Tây biểu tôi đợi ba ngày để ông đánh giây thép về hảng chánh bên Nhựt-Bổn hỏi có chịu cho tôi mua giấy hạng nhứt không. Đúng ba ngày trả lời được, mà đi đến Buénos-Ayres là cùng. Còn từ đó quyền tại ông chủ hảng ở tại Buénos-Ayres. Nên hảng Saigon phải đánh giây thép hỏi bên xứ đó; thì ba ngày nữa, trả lời cho luôn vòng.

Tàu chạy mỗi tháng một chiếc. Có chiếc ghé Saigon, có chiếc không ghé. Trong tháng Avril phần chiếc La Plata Maru chạy ngày 17 Avril tại Kobé (神戶). Mà nó không ghé Saigon. Nó chạy thẳng qua Singapore (Sanh-ga Bô) thì ngày 28 Avril sẽ đến. Tên chiếc tàu là tên cái sông La Plata bên A-mê-rít Nam. Còn chữ Maru là chữ Nhựt-Bổn viết như vầy : 丸 nghĩa là tàu.

Hảng tàu Saigon biểu tôi đóng một ngàn sáu trăm đồng bạc (1.600$00) tiền đi tàu hạng nhứt. Giao cho tôi một cái biên lai, với một cái thơ sau đem đưa cho hảng tàu dưới Singapore họ phát giấy tàu cho mà xuống tàu.

Trước khi đi ra khỏi Saigon, tôi đem giấy Bát-Bô xin ký tên nơi mấy sở kể sau đây :

Lãnh-sự (consul) A-mê-rít thâu 21$00 (hai mươi mốt đồng bạc). Ông hỏi tôi nghề-nghiêp, giàu nghèo, có ai bảo lãnh, đi việc chi, có vợ con, chỗ ở, tuổi, đi chừng nào về, v. v.

Tôi trả lời xong; ông biểu tôi phải để dành một ngàn đồng bạc qua bên nước ông nộp cho Nhà-nước thế chưng, rồi mới đặng lên bờ đi chơi cho có hạng mấy ngày. Bằng quá hạng còn ở xứ ông, thì tôi phải mất bạc ấy và bị bắt đuổi về xứ.

Lãnh-Sự An-gơ-lê thâu năm cắt (0$50) mà không hỏi chi lôi thôi.

Lãnh-Sự Nhựt-Bổn thâu ba đồng rưỡi (3$50) không hạch hỏi chi.

Ông Quan Ba sở Port de Commerce ký tên làm chứng rằng có nhiều xứ tôi sẽ đến coi chơi mà hiện Saigon không có Lãnh-sự của mấy xứ ấy. Không thâu tiền đồng nào.

Sở Commissariat Spécial de Police du Port ký tên, không thâu tiền.

SAIGON qua SANH-GA-BÔ (Singapore)

Ngày 21–24 Avril 1929.

Tôi ở tại Saigon từ 25 Mars đến 21 Avril tôi xuống chiếc tàu Roume của hãng tàu Pha Rang-Sa kéo neo hồi bốn giờ chiều chạy xuống Sanh Ga Bô (Singapore). Tôi đi hạng ba giá ba mươi mốt đồng bạc (31$00), có phòng ngủ tốt và cơm tây, uống rượu chát đỏ. Bộ-hành ít, chở hàng hóa nhiều, hơn tám trăm con heo lớn, vài ngàn gà, vịt, mấy trăm dỏ trứng vịt, vân vân, đem bán tại Sanh-Ga-Bô. Sáng sáu giờ, ngày 22 Avril tới Côn nôn. Đậu ngoài khơi, ghe trong bờ ra đem hai mươi ba người tù có lính Saigon theo giữ, và chở hàng hóa vô bờ Đến chính giờ kéo neo chạy. Chỗ nầy tôi ghé lần nầy là ba, cũng đi với chiếc tàu Roume. Cấm không ai đặng phép lên bờ chơi cả. Xứ nầy có năm, sáu hòn núi cù lao riêng nhau. Quan văn, võ, dân và tù ở nơi hòn núi lớn hơn hết.

Khi nào tôi đi tàu ra Tourane, Haiphòng bị say sóng chóng mặt quá. Còn đi qua nước khác, biển động, tàu lắc mấy, tôi mạnh khoẻ hơn ở nhà. Ấy là một sự lạ lắm!

Sáng sáu giờ, ngày 24 Avril, đến Sanh-Ga-Bô. Đậu khơi ngoài vũng. Quan An-gơ-lê đi xà-lúp ra tàu, ký tên trong Bát-Bô, rồi cho bộ-hành thuê ghe vô bờ. Mỗi người một đồng bạc trở lên, tùy có đồ của mình nhiều ít. Một người Quảng-Đông đi tàu hạng nhứt xuống đi chung một chiếc thuyền các-chú với tôi và chịu một đồng rưởi bạc vì nhiều đồ. Ông nầy có biết Hải-phòng, Hà-nội, Huế. Nhờ ông vẽ cho tôi, nên tôi đến nhà ngủ Quảng-Đông tên là Nam-Thin 南 天, southern Hôtel Limited, n° 36.42, Eu-Tong-sen-Itreet Singapore.

Cái phòng tôi ở thiệt tốt, mỗi ngày ba đồng năm cắt (3$50) có thứ bốn, năm đồng. Sáu từng lầu, có thang máy (ascenseurs). Trên hai từng chót có bán cơm. Nên cả ngày hát xướng, nhạc tàu đến nữa đêm om sòm. Ông Quảng-Đông đó đi ở chỗ khác.

Tôi đến xứ Sanh-Ga-Bô lần nầy là sáu. Các sở nhà nước và buôn bán của người Tây mở cửa làm việc từ mười giờ sớm mai cho đến bốn giờ chiều đóng cửa bải.

Tôi đến trình Bát-Bô nơi tòa Lãnh-sự Pha-Rang-Sa. Có ông Com-mi (commis) còn nhỏ tuổi, người Bắc-kỳ, coi Bát-Bô nói rằng nơi tòa Lãnh-sự không cần ký tên. Biểu tôi đem giấy đó nói sở Bô-lich (Police) ký. Ông biên tên sở ấy như vầy mà giao cho tôi đi tiềm cho dễ: Passe-port Offices outh Bridge Road. Đi xe kéo hai cắt đến đó. Ông quan Ma-lai-du (Malais) coi Bát-Bô, hỏi tiếng An-gơ-lê. Tôi không hiểu chi cả. May có một ông Tây Trắng cũng đến xin ký Bát-Bô. Ông biết nói tiếng Pha-Rang-Sa làm ơn thông-ngôn xong mọi việc là tôi khai đến ngày nào, chừng nào đi và hiện trú tại đâu. Không thâu tiền chi cả.

Ngày 25 Avril, tôi đến hãng tàu Osaka Shasen Kaisha. n° 2, đường de Souga Street. Tôi đưa Bát-Bô và mấy tấm giấy khác nữa cho họ coi. Một ông Nhật-Bổn nói tiếng An-gơ-lê. Tôi không nghe đặng. Ông viết chữ tàu, tôi coi chữ đặng, chữ không. Tôi viết chữ An-Nam hỏi có ai biết nói các-chú không. Ông liền kêu một người Phước-Kiến làm tại nhà giấy đến nói với tôi cả tiếng Phước-Kiến, Quảng-Đông. Hai bên đều hiểu nhau mười phần đặng tám, là nhờ nói và viết chữ tàu. Tôi nói và viết trật bậy mà cũng hiểu. Đưa cho tôi một tờ chữ An-gơ-lê, biểu tôi khai vào hơn mười khoản: Tên họ, tuổi, có vợ, nghề-nghiệp, chỗ sanh, chỗ ở, người nước nào, đạo gì, đi đâu, đi việc gì. Tôi khai xong bằng chữ Pha-Rang-Sa· Ông Nhật-Bổn biểu tôi đưa cho ông ba cái hình của tôi và giao cho tôi một cái giấy, biểu một người lon-ton (Planton) chà-và giắc tôi đến nhà một ông thầy thuốc An-gơ-lê ở gần đó. Ông thầy thuốc khám tôi và chích cho tôi hai muổi thuốc gì không biết nơi cánh tay trái. Viết một cái giấy chữ ông, chắc là certificat médical, giao cho tôi, rồi thâu bảy đồng bạc (7$00). Tôi cầm giấy đó đem về giao cho ông Nhựt-Bổn. Ông coi rồi, mới trả giấy lại cho tôi và một tấm giấy đi tàu. Ông biểu ông Phước-Kiến nói lại cho tôi biết rằng tàu ngày 28 Avril lối mười giờ sớm mai thì đến, ngày 29 Avril lối ba giờ chiều chạy sang Cô-lom-bô. Hai cái giấy đó tôi phải đưa cho ông chủ tàu La Plata Maru. Thiệt tàu tới và chạy y như ngày giờ đã dặng đó.

Tôi ở tại Sanh-Ga-Bô từ 21 đến 29 Avril là sáu ngày. Châu thành rộng, dân, nhà, buôn, bán, xe các thứ, tàu, thuyền, xấp ba, bốn châu thành Saigon. Kể người các chú riêng ra phỏng chừng ba trăm ngàn (300.000). Trong số đó chia phần Phước-Kiến gần hai trăm ngàn người (200000) Tây-Trắng và người xứ đó là Ma-lai-du ít. Nghề chi đều các-chú và chà-và làm. Có vài người An-Nam Bắc-kỳ buôn bán. Người Ma-lai-Du làm lính, Thông-ngôn, Thơ-ký, đánh xe, bồi, làm ruộng. Hết thảy con đường đều rộng, trét

dầu hắc, song không có trồng cây hai bên và không có con lề. Nhà cao sáu từng là cùng. Xóm Tây sạch; Xóm người Phương Đông nhớp. Gần mười cái chợ nhỏ. Không có chợ lớn như Saigon. Phố thì đi trong hàng ba.

Tuy không có vườn thú, mà có sở Muséum để trử cốt thú vật, chim, cá lạ cho thiên hạ coi. Có một cái mình con Tê-Ngu (Rhinocéros) cao lớn bằng con bò, cái đuôi nhỏ như đuôi heo. Có một cái mình con Giả-Nhơn cao gần bằng người ta, cái đầu lớn bằng hai đầu người ta. Kể sơ vài con lạ mà thôi.

Ở châu-thành (ville) có người bán thú vật, cọp, beo, chim.

Trường đua ngựa có nhà, phố ở bao-chung quanh cả và đẹp lắm.

Dinh quan Toàn-quyền, nhà thờ catholique, tòa-án, nhà thương tây nhỏ và không khéo bằng mấy cái nhà như vậy ở Saïgon. Nhà Dây-thép, vài cái nhà buôn bán lớn hơn Saïgon.

Xe đủ thứ. Xe ô-tô và xe điện, (Tramways) nhiều, chạy mau quá. Xe điện bây giờ không chạy trên đường sắt, không dùng bánh sắt. Chạy trên đường dùng bánh cao-xu. Tránh trở dễ lắm. Đường nào trên trời có dăng dây điện riêng của nó, thì nó tra hai cái cần dính trên giây điện nó chạy. Trừ đường nào không có dây điện riêng của nó thì nó chạy không đặng. Thấy có một chiếc xe Va-gon mà thôi, chớ không thấy kết dôi ba cái nhau.

Xe kéo kiểu xưa, xấu, rộng, cao như xe một ngựa. Bánh đặt cao-xu nhỏ bằng ngón chưng cái.

Cái vũng tàu là biển, nên rộng, có núi bao bọc đẹp lắm. Có hơn một trăm chiếc tàu với mấy trăm ghe lớn đậu ngoài khơi và trong bờ. Sánh cái vũng không thua Hồng-Kông, Yokohama, Kobé ở bên Nhựt-bổn. Mỗi ngày tàu tới luôn gần ba chục chiếc (30). Trên bờ ngó ra vũng ngày, đêm xinh biết chừng nào!

Bến tàu Marseille, Toulon nhiều tàu, mà trên bờ ngó ra vũng không đẹp, là vì nhiều tàu đậu trong bờ và khít nhau lắm, lại bị mấy cái kho chứa đồ áng khuất hết tàu không thấy đặng.

Có một chỗ Các-chú gọi là Tân-sơn (新 山) là chỗ ông vua Ma-lai du ở. Từ Sanh-ga-bô qua đó có xe lửa và có đường ô-tô chạy. Tôi đi xe ô-tô qua gần một giờ đến, ước chừng hơn hai chục ky-lô-mết. Giá đi về hết bốn đồng năm cắt (4$50). Cái đường trét dầu hắc cả. Xe ô-tô qua lại liền đeo nhau.. Hai bên đường, vườn đủ thứ cây, dừa, măng-cục, xoài, cây cao-xu phần nhiều. Vui vẽ lắm.

Chỗ Tân-sơn nhỏ. Nhà ông vua kiểu tây, thấp, tầm thường, trên chót gò. Vườn sạch-sẽ. Một cái chùa ở gần một bên, bằng gạch, ngói, thấp, trên gò. Vường xanh quanh sạch sẽ. Nhà các quan Ma-lai-du nhỏ, thấp, nhà trệt, cao cẳng, ngói, gạch, cũng trên gò.

Phố thì toàn các-chú với chà-và. Châu-thành nhỏ. Đi bộ coi cho khắp hết chừng nữa giờ. Xe ô-tô chực ngoài đường cho thuê gần năm chục cái. không thấy xe kéo.

Tôi tưởng là chỗ ông Tổng-đốc chớ không phải ông vua ở.

Dưới sông rộng có năm trăm thước, mà không có ghe, thuyền, tàu chi cả. Có một cái đập ngăng ngang qua sông để cho xe-lửa và ô-tô chạy. Có lẽ vì vậy nên ghe, tàu không có.

Mùa nầy ở Sagïon có trái Xoài-riêng và măng-cục. Tại Sanh-ga-bô là gốc nó đem qua trồng bên An-nam mà không có, vì không nhằm mùa. Xoài có nhiều mà mắc hơn Saigon.

Lấy lẽ công bình xét cho kỷ, châu-thành Saigon đẹp lắm, hơn nhiều châu thành bên Pha-rang-sa và Sanh-ga-bô.

SANH-GA-BÔ SANG CÔ-LOM-BÔ.

Từ ngày 29 Avril tới 4 Mai 1929.

Ngày 29 Avril 1929, hồi mười hai giờ rưởi trưa, tôi xuống tàu La Plata Maru. Đúng ba giờ xế, tàu đậu trong bờ mở đổi chạy qua Cô-lom-bô.

Tôi mặc theo An-nam, khăng đen, áo hàng bông xanh, mang mười một cái dễ mè-đay, quần vải trắng, dày tây vàng, dù trắng. Đưa mấy tấm giấy cho người dưới tàu; nọ dắc tôi lại một cái phòng hạng nhứt, rộng, có hai cái dường ngó ngan nhau, chớ không phải chồng cái trên cái dưới. Tự ý họ làm ơn để một mình tôi ở mà thôi. Chớ các phòng hạng nhứt khác thì hai người nằm. Phòng nào đều có dày hạ để cho bộ hành dùng và quạt máy.

Tàu nầy mới làm chạy đặng ba năm nay. Chở người ta và hàng-hóa, nên sạch sẽ. Sức mạnh chở đến bảy ngàn ba trăm tôn (7.300 tonnes), mỗi tôn nặng một ngàn ky-lô. Dài một trăm ba mươi ba thước (133^{m}). Chạy hai chưng vịt. Mỗi giờ chạy mau đặng ba chục ngàn thước. Máy Mô-Tơ (Moteur), đốt dầu, ít nhớp hơn đốt thang. Nên giá chở mắc hơn tàu lửa.

Số người làm việc dưới tàu là một trăm mười hai người (112), toàn người Nhựt-Bổn, nói và viết chữ An-gơ-lê ; ; Không có một người biết tiếng Pha-Rang-sa. Đều mặt áo, quần tây cả. Còn trẻ hết.

Hiệp cọng người thuộc dưới tàu và bộ-hành là một ngàn trọn (1.000).

Ông Quan-Tư chủ tàu bốn mươi sáu tuổi (46 ans). Vui, có phép lắm. Từ ông sấp xuống, mấy người làm việc trẽ hơn ông.

Sáu giờ rưỡi, đánh phèn la rao cho bộ hành sửa soạn áo, quần đặng ăn cơm. Bảy giờ, một hồi phèn la thứ nhì. Hết cả bộ-hành hạng nhứt vô phòng ăn.

Tôi cứ bận đồ như khi xuống tàu. Bước tới cửa, có một tên bồi dẫn tôi ngồi chung với ông Quan-Tư. Tôi xá ổng, ổng đứng dậy, bắt tay chào tôi và cười, hỏi tôi một đôi đều bằng tiếng An-gơ-lê. Tôi cười, không hiểu chi. Cái bàn ông Quan–Tư nói dữa phòng ăn. Ông ngồi trên đầu bàn. Phía tay mặt ổng, một ông Nhựt-Bổn, rồi kế tôi là thứ hai, kế bèn dưới tôi một ông Nhựt Bổn. Bên phía tay trái ông Quan-Tư, một Bà Nhựt-Bổn ngồi, rồi kế đó một ông Nhựt-Bổn. Cọng cả là sáu người.

Mấy bàn khác, thì người Nhựt-Bổn và Tây-Trắng ngồi mỗi bàn từ hai người tới sáu người ; hiệp cọng năm chục(50) ông, bà và con nít.

Một mình tôi là An-nam !

Ông Nhựt–Bổn ngồi liền tay mặc ông Quan-Tư biết một đôi tiếng Pha Rang–sa. Người buôn bán có đi sang Londres và Paris. Thông-ngôn lại nói ổng rằng tôi người An-nam thuộc dân Pha-Rang–sa. Tôi được ngồi chung với ông chủ-Tàu, ý tôi tưởng là một sự trọng đải tôi đó.

Qua mấy ngày sau, tôi ngồi ăn thì để đầu trần, mặc áo hàng trắng, đen xanh.

Trong dấy Mơ-nu (Menu) biên hơn hai chục món ăn tây bằng chữ An-gơ-lê. Mỗi người phải lựa món ăn, chớ không phải bồi bưng nạo cho mình ăn đâu. Bởi vậy mới khó cho tôi sự chọn. Tôi ngó chừng mấy người kia lựa món chi món chi đem lại cho họ rồi, tôi ưng ăn món đó, thì tôi chỉ cho bồi đem cho tôi ăn. Ba bốn bửa ăn đầu, tôi dùng cách đó. Sau nhớ những tên món ăn trong dấy, rồi quen lần lần.

Qua mấy ngày sau, tôi xét việc dưới tàu mới kỷ.

Việc ăn, mỗi ngày năm lần. Không có dọn rượu chi cả. Dọn nước lạnh-Muốn uống rượu phải mua.

Sáu giờ rưởi sáng, uống café, trà, sửa, ăn bánh mì, bơ (beurre).

Tám giờ rưởi sáng, ăn sửa, café, trà, bánh mì, cháo gạo, cháo kê, cháo báp, trứng gà, thịt, cá, có hơn mười món. Sửa lạt toàn của A-mê-rit không có sửa tây.

Mười hai giờ rưởi, ăn hơn hai chục món kể đồ tráng miệng trổng.

Ba giờ rưởi xế, ăn bánh ngọt, uống sửa café, trà, nước chanh

Bẩy giờ tối, cũng như cơm trưa

Có dọn khoai lang đủ cách.
Nhiều lần ăn, mà cũng đói, vì ở dưới tàu, ngó mông ra biển, trên trời, đọc-sách, nói chuyện, cho qua ngày giờ, rồi đói, khác mau lắm.

Thịt, cá, vật ăn đều để trong phòng lạnh. Không đem theo con gì sống cả.

Có yết thị đi tắm. Mỗi người hạng nhứt có giờ, tên bồi đến kêu mình tắm. Mình không tắm, thì qua bửa sau tới phiên mình mới tắm đặng

Có làm một cái hồ bằng vải, vuông vứt ba thước, lấy nước biển vô cho người ta lội chơi, hạng nào cũng đặng.

Những yết thị đều chữ tàu và An-go-lê.

Tàu nầy hạng nhứt và hạng chót.

Bộ-hành hạng nhứt có một ông Pha-Rang-sa tên la Menasche. Ông có đến Saigon, Chợ-Lớn Nam-Van bán hột xoàn. Bây giờ về Cô-lom-bô. Ông có biết ông François sự ở Saigon, và cô-Tám ở Chợ-Lớn. Ông có mua mấy quyển sách Pha-Rang-sa tại Saigon đem theo đọc dưới tàu, rồi ông cho tôi năm quyển. Ông cũng đi chiếc tàu Roume Saigon qua Sanh-Ga-Bô một lần với tôi. Bây giờ cũng đi theo tàu Nhựt-Bồn về Cô-lom-bô.

Còn hơn hai mươi người Tây-Trắng đờn ông, đờnbà, con nít là An-gơ-lê, A-mê-rít và nước khác nữa. Họ

cũng không biết tiếng với nhau, nói chuyện liều mà thôi, cũng như tôi vậy. Có mười người đi chơi vòng trái đất.

Phần tôi có mua bốn quyển sách nhỏ bỏ tuối đem theo mà học chữ Ạn-gơ-lê :

1. — L'anglais par vous-même (Marc de Valette),
2. — Français-Anglais (Garnier Frères).
3. — Dictionary French anglish (Hills),
4. — Dictionnaire français (Azed).

Khi nào tôi nói với mấy ổng, tôi dở quyển tự-vị An-gơ-lê, lựa tiếng chỉ cho mấy ổng còn nói với người Nhựt-Bổn cũng cách đó, thêm viết chữ tàu, sự không hiểu tiếng ngoại quốc là nhiều người khổ như tôi ! Ngồi ăn tôi cũng để quyển tự-vị trên bàn mà nói chuyện cho dễ. Có vài ông Tây-Trắng nói ít tiếng Pha-Rang-sa.

Bộ-hành hạng chót số tám trăm ba chục người (830) toàn người Nhựt-Bổn, từ một tuổi trên sáu chục tuổi, cả trai và gái. Có một bà già độ sáu mươi tuổi, mà hai hàm răng đen mung. ! Hết thảy qua nước Bè-rê-sinh (Brésil, Amérique) làm ăn. Mỗi tháng, hảng tàu nầy phải có một chiếc tàu chở gần một ngàn (1 000) người Nhựt-Bổn qua đó làm công. Vì bên xứ Nhựt-Bổn dân đông, đất hẹp, còn bên Bê-rê-sinh dân ít, đất rộng. Hai Nước đều thuận cho đem người Nhựt-Bổn đi như vậy và trả tiền tàu cho họ. Một năm phải có một vạn hai ngàn (12.000) Nhựt-Bổn qua Bê-rê-sinh. Đi cả cha, mẹ, vợ, chồng, con. Nên mới có già, trẻ như vậy. Cứ chở trong mấy chục năm cho đủ số mấy chục vạn người, đặng trồng Ca-Phê và Cao-xu. Khi tôi ở nhà đã thấy Nhựt-Trình Pha-Rang-sa nói chuyện nầy rồi, Họ là Cu-ly, mà hết thảy quần áo lành sạch sẽ như nhà giàu. Nằm dường sắt nệm mền, chiếu, ăn uống sung sướng, riêng chén dĩa trên bàn. Tôi không thấy đánh bạc, say rượu, đập lộn, la to tiếng. Ấy là tôi nói không thấy, chớ không phải không có. Mỗi ngày họ tập võ tay chưng cả lớn, nhỏ, con trai, con gái. Hát, múa.

Có vài người bộ-hành da đen.

Năm 1928, tôi thấy vài trăm Cu-ly An-nam, Bắc-Kỳ vô Saigon làm công việc mảng hạng, đau, về xứ, đi tàu Merlin ăn cực khổ, quần áo rách rưới, nằm trên sân tàu, đánh cờ bạc với nhau và người làm công dưới tàu, hút thuốc phiện, ăn cắp nhau, uống rượu, đánh lộn rầm rầm. Ấy là thói người An-nam; lãnh bạc rồi, đánh thua hết, chiệu ăn, mặc cực khổ, bán mền, quần áo hết.

Còn sự sắp đặt dưới tàu, theo tây hết. Thiên hạ đều rõ, nên tôi xin không kể.

Tôi xuống coi cái máy Mô-tơ (Moteur). Biết sao mà kể. Thấy rộn, ràng biết tên chi mà nói. Gọn gàng, không nhớp như máy chạy thang.

CÔ-LOM-BÔ

Ngày 4 Mai 1929, khi mười giờ sớm, tàu tới Cô-lom-bô. Tôi thấy chỗ nầy là năm lần. Vũng tàu có làm đập đá (jetées) để tàu đậu khỏi sóng. Không có cầu cho tàu cập. Tại vũng, ngày nào có chừng hai chục chiếc tàu đậu mà thôi. Tàu vô cửa, ra cửa mỗi ngày chừng mười chiếc.

Quan An-gơ-lê ra tàu ký tên Bát-Bô rồi cho bộ-hành lên bờ.

Bây giờ cấm không cho ai xuống tàu buôn, bán, đổi bạc, làm trò thuật chơi. Cứ ở dưới ghe dòng dây đưa đồ lên tàu bán.

Châu thành Cô-lom-bô nhỏ hơn Sanh-ga-bô nhiều, đẹp và đủ thứ xe. Dân chừng hai trăm năm chục ngàn người. Có vài chục người Các-chú, Nhựt-Bổn đông hơn. Người chà-và tại xứ nầy ham làm ăn, nên các-chú tranh dành không nổi. Có vài người Bắc-kỳ bán dạo đồ Bắc.

CÔ-LOM-BÔ qua DURBAN (Du-Ban).

Ngày 5-16 Mai 1929.

Ngay 5 Mai 1929, năm giờ chiều, tàu ra cửa Cô-lom-bô chạy qua Du-Ban (Durban).

Ngày 6 Mai, có một đứa con nít Nhựt-Bổn hai tuổi đau binh thường chết. Cái hòm để trên bàn, có đốt đèn bạch-lạp, trầm, có trái cam, trái lê, cha mẹ nó là cu-ly, không khóc, quì, vái. Ông quan Tư đọc văn-tế, rồi có một người thường đọc văn-tế thứ hai. Vài chục người đờn ông bỏ trầm hương bột đốt. Hòm khiên ra sau lái tàu quăng xuống biển. Làm lễ đám khi sáu giờ chiều; các quan tàu mặc áo quần như thường ngày làm việc. Tàu có thổi xúp-lê.

Ngày 7 Mai, khi mười giờ rưởi sáng, tàu chạy ngang qua cái đường Ê-qua-tơ (Equateur), là đường dứa bề tròn trái đất, chia hai trái đất ra phía Bắc và phía Nam. Tàu thổi xúp-lê (sifflet) vang trời mừng. Từ hai giờ chiều cho tới mười giờ tối, lập cuộc chơi, ca, hát, nhạc vui vẽ. Mão, áo, quần vẽ mặt theo thánh, thần, ma, quỉ. Người Tây trắng cũng bày trò chơi tới khuya. Cái tục nầy mừng là tàu nào cũng vậy. Quan tàu biết đi ngang qua đường Ê-qua-tơ, bộ-hành không biết.

Khi chín giờ sớm mai, tôi nói với tên bồi dọn bàn của tôi rằng mười hai giờ trưa tôi muốn ăn cơm Nhựt-Bổn. Tên đó viết chữ tàu rằng không đặng, vì ngày nay số ăn cơm Nhật-Bổn đã có định chừng rồi. Vậy trưa ngày mai mới đặng. Tôi ừ.

Trưa ngày 8 Mai 1929, dọn cho tôi trong phòng. ngủ mấy món nầy:

1. — Canh cá mẳng,
2. — Gỏi cá tươi có dưa chuộc,
3. — Cà dái-dê luột có nước mấm ớt,

4. — Dưa gang muối,
5. — Tôm chiên măng tre, nấm mèo, đậu petits pois,
6. — Cá kho,
7. — Chén nước mấm tàu yểu.

Mấy thứ cá tên chi tôi không rõ. Ăn ngon, mà lạt, không bỏ đồ chi cay đắng. Nước chè đọt của họ xanh như chè Huế tươi.

Mấy ông Nhựt-Bổn bộ-hành hạng nhứt đều người buôn bán. Mà tôi có nghe ông An-gơ-lê nói có năm, sáu ông quan văn Nhựt-Bổn đi theo mấy người đi làm ăn. Song tôi nhìn họ không ra, vì tôi không biết họ ăn mặt phân biệt riêng làm sao.

Lúc ba giờ chiều tôi đóng cửa phòng ngủ đặng nhiếp, vá quần, áo, dù. Tôi có đem kim, chỉ đủ. Chừng nữa giờ xong. Chuyện tuy nhỏ, mà nên pha váo chuyện nghiêm mới vui.

Ngày chúa nhựt, 13 Mai, khi ba giờ sáng, thấy cù-lao La Rê-u-ni-ông (La Réunion) là thuộc địa Pha-Rang-Sa. Tôi thấy có một cái đèn lớn dọi biển mà thôi. Chỗ nầy là nơi hai Đức Hoàng-Đế An-Nam Thành-Thái và Duy-Tân đương Ngự. Khi mặt trời mọc, tàu chạy xa, không còn thấy hình dạng chi.

Tòi là một người làm Tnông-ngôn hầu Ngự hai Ngài khi trước tại Huế. Bây giờ còn nhớ, kính trọng hai Ngài luôn luôn.

Từ ngày 5 Mai đến nay 13 Mai, mới thấy hòn lao đó là đầu. Tàu chạy xa bờ lắm, nên hôm nay tôi và nhiều người không thấy ghe, tàu; vì đường nầy ít tàu đi. Chim có một đôi con. Cá chuồng bay không bao nhiêu, không thấy cá lớn. Hoặc sái mùa hay sao? Đường qua Tây, Tàu và Nhựt-Bổn có nhiều mấy loại đó.

Lâu ngày, biết thêm chuyện. Mấy ông Tây Trắng có đem sách tự-vị, sách nói chuyện tiếng họ với nước khác. Có

một ông thầy thuốc tên Louis E. Huguet là người Argentine (A-danh-tin), hiểu tiếng Pha-Rang-Sa khá khá, hay nói chuyện với tôi. Ông đi chơi vòng tròn trái đất, bây giờ đi về nhà ông tại Buénos-Ayres là kinh-đô xứ Argentine. Ông và người xứ ông đều nói tiếng Ê-ba-nho (espagnol.)

Một ông Nhựt-Bổn ăn chung với tôi một bàn, mới nói chuyện với tôi mà viết chữ tàu, xưng ông là Giám-Đốc dẫn bọn cu-ly Nhựt-Bổn qua tới nơi rồi ông về xứ. Mặc đồ tây, không có dấu chi phân biệt. Tuổi chừng ba mươi.

Ngày 14 Mai, rạng sáng, thấy cù-lao Ma-đa-ga-ca (Madagascar) của Pha-Rang-Sa. Bờ cách chỗ tàu chạy chừng năm, sáu ngàn thước. Thấy mờ, mờ núi thấp, bải cát trắng, không thấy nhà, ghe, tàu. Xế qua khuất hết.

Ngày 15 Mai, tôi trực nhớ cái nhựt-trình Le Courrier de Haiphòng về năm 1928 có nhắc chuyện một ông Com-mi An-nam ở Bắc-kỳ, bị cấm không cho lên bờ nơi một xứ thuộc-địa An-gơ-lê hay là nước nào khác. Số là ông đi theo hầu quan Pha-Rang-Sa tên Auger lảnh chức Thanh-Tra các nơi có người dân làm việc đông trong Trung-kỳ (Inspecteur du Travail en Annam). Ngài được phái đi qua xét bên xứ Nouvelles Hébrides là nơi thuộc-địa Pha-Rang-Sa hiện có người dân An-nam qua làm mướn nhiều. Đi dọc đường, Ngài phải ghé một xứ thuộc-địa ngoại-quốc mà đợi sang tàu khác. Ngài lên bờ trước, có biểu ông Com-mi rồi theo sau lên kiếm Ngài tại chỗ chỉ sẳng. Té ra Qnan Sở-tại cấm không cho ông Com-mi lìa chưng khỏi chiếc tàu, sau cách mấy giờ, quan Auger vắng tin, phải trở xuống tàu lo liệu mới đem ông Com-mi vào châu thành đặng.

Tích nầy là một đều tôi phải ghi thêm vào trí mà tránh.

Ông Quan-Tư chủ tàu săng-sóc mọi việc. Trước mặt tôi mấy lần rồi, ông cúi lượm quăng ra biển những tàng thuốc, tàng cây quẹt và giấy bộ-hành bỏ nơi sân tàu. Nghĩa là ông muốn giữ sự sạch sẽ.

Tôi xin ông tha lỗi cho tôi, vì tôi dám kể chuyện không xứng cái phận của ông, mà ông cứ làm, chẳng nghĩ ai chê, khen, phần tôi chịu khen và kính ông vô cùng!

Bữa nay, 16 Mai 1929, tàu tới Du-Ban (Durban), khi bảy giờ tối. Ngày 17 Mai, lối ba giờ chiều chạy qua Cap-Toun (Cấp-Tung). Vậy từ Cô-lom-bô đến đây là mười một ngày trọn. Có sóng lớn, mà bình yên cả. Hồi mười hai giờ trưa có mấy trăm Cá-nược nhào, nhảy khỏi mặt nước như mừng chúng tôi thiệt ngộ!

Cắt nghĩa: Colombo là tên ông Christophe Colomb.

DURBAN (Afrique du Sud)

Đu-Ban (ngày 16 — 18 Mai 1929)

Ngày 16 Mai 1929, hồi bảy giờ tối, tàu đến Đu-Ban, phải quăng neo đậu ngoài biển. Sáng 17, khi sáu giờ, Bi-lốt (Pilote) đi xa-lúp ra, leo lên tàu, dẫn vào cửa.

Chiếc nào đến ban đêm đều đợi sáng ngày mới dám vô cửa. Là vì cửa hẹp có vài trăm thước bề ngan. Hai bên cửa, có làm đập đá (jetées) dài chừng hai, ba trăm thước. Vô trong cái vùng tròn trời sanh khéo lạ. Tàu ghé dựa vào bờ cần đá không có cầu, có chiếc đậu dữa vũng cột dỏi nơi cái phao.

Quan An-gơ-lê xuống tàu ký tên vào Bát-Bô của mấy người ghé đây luôn không đi táu nữa. Không ký tên vào Bát-Bô mấy người Bộ-hành còn đi tàu, mà cho phép đi dạo phố phường. Bộ-Lich An-gơ-lê da trắng xuống tàu canh gát như các cửa xứ khác vậy. Tại Sanh-Ga-Bô, Cô-lom-bô, lính da đen gát tàu.

Tôi chưng vừa đạp đất Đu-Ban, liền thấy hai ông Tây-Trắng thoi lộn với nhau thiệt hung. Mệt rồi hai người tự giang xa nhau, không ai cang dồ chi.

Tại bến tàu, có xe điền hai từng, hạng nhứt ngồi dưới, hạng nhì ngồi từng trên, chạy trên đường sắt, xe ô-tô, xe kéo, không có xe ngựa cho thuê. Giá xe ô-tô một giờ sáu bảy đồng bạc, ra ngoài châu-thành mắc hơn.

Thấy xe kéo, tôi dực mình ! Cái xe cao, rộng bằng xe một ngựa, sạch sẻ. Bánh cao-xu đặt, tròn bằng ngón chưng cái ; mấy cái tâm (rayons) ni-ken (nickel). Còn người kéo di thường ! Da-đen, cao, vóc vạt mạnh-mẻ, râu rìa xồm-xàm ; đầu đội cái mủ kết lông chim dài đủ màu sắc dựng đứng lên ; mỗi bên lỗ tai cột một cái sừng bò trắng, dài, nhọn, khuynh ra ngoài cách như trong đầu con bò mọc vậy ; cổ đeo chuỗi hột cườm ngủ sắc ; mặc áo quạ vải ngủ sắc ; hai cánh tay trần, đeo chuỗi cườm ngủ sắc ; quần vải ngủ sắc xuống tới đầu gối ; bấp cẳng vẽ phấn ngủ sắc ; mắt cá đeo kiền vòng thép trắng, kiền cao-xu, kiền đồng thau, cột lông chim, lông gà, tay cầm một cái chổi lông ngựa trắng.

Cách mặc áo quần như vậy, là nhà Nước cho phép nó bắt chước kiểu mấy anh tướng Đen đánh giặc nhau trong rừng. Là có ý để thiên hạ thấy biết chơi.

Coi lạ kỳ ghê gớm hơn mấy tên mọi trong tuồng hát bội An-nam.

Chừng mười lăm đứa đứng một hàng chực rước khách. Chúng nó có phép, không dám bỏ xe niếu kéo ai. Tôi mượn ông Huguet là người thầy thuốc tôi đã nói chuyện rồi, hỏi tiếng An-gơ-lê một đứa giá đi lại nhà Thơ Giây-Thép bao nhiêu. Nó xin một đồng bạc Shiling (Xi-linh) chừng sáu cắt bạc. Tôi chiệu. Nó chạy chừng ba chục phúc đồng hồ đến nơi. Tôi trả tiền cho nó lấy không nói chi.

Đu-Ban là châu-thành (ville), của An-gơ-lê. Có ba-vạn (30.000) dân Trắng, mười bốn vạn (140.000) dân Đen. Cọng một trăm bảy chục ngàn (170.000) người. (Sánh

toàn nước Đông-Pháp chưa được hai vạn dân Trắng). Nhờ người dân Trắng đông chừng đó, nên châu thành đẹp, lớn như những châu-thành bên Tây.

Trọn một ngày tôi ở trên bờ, ăn cơm thành phố đặng đi coi cho kiệp. Bất kỳ chỗ nào, nhà quan nhà ở, nhà buôn-bán, nhà làm nghề-nghiệp, bến tàu, đường sá, đèn điện, xe đủ thứ, hết cả in kiểu, cách bên Tây. Nhà lớn, nhà nhỏ giàu, nghèo của người Trắng, Đen-toàn làm đá, gạch, ngói, kẽm, trong ngoài châu-thành. Chú dạ Đen Cu-ly cũng không làm nhà tranh.

Người trắng làm từ quan xuống tới nghề Cu-ly. Dùng người Đen xứ đó và người chà-và (Indiens) giúp công việc. Nhà Nước An-gơ-lê cấm không cho người chinois và Nhựt-Bổn ở xứ nầy. Đến chơi thì được.

Người Trắng ăn, ở, mặc, đi-đứng, tục, phép lịch-sự noi theo bên Tây.

Trong châu-thành đẹp là sự thường. Ngoài châu-thành mà như cảnh Tiên mới nên khen. (Fééries)

Trong châu-thành nhà cao chừng năm sáu từng. Tòa ông Maire (Xã) bốn mặc in nhau, lớn, khéo hơn Tòa Mairie Saigon biết bao nhiêu. Là vì ở trong tòa đó chia ra nhiều phòng : Làm việc giấy, để Hội-Đồng. Ca-nhạc, đọc nhựt-trình, đọc sách, trử đồ quí lạ (Muséum) vân vân.

Xin nói chỗ để đồ quí (Museé) mà thôi.

Cha chả tôi mê mang ! Vì không dè có những loại lạ. Những con chi đều lột da dồn khéo lắm. Hai con Tê-ngu (Rhinocéros) lớn bằng hai con trâu, mỗi con hai sừng trên sóng mũi, cái đuôi nhỏ, vắng. Một con Tê-ngu con. Hai ba con trâu-nước (hippopotames) lớn mỗi con bằng hai con trâu nhà, có một con nhỏ. Nó không có sừng, cái đuôi nhỏ ngắn. Tê-Ngu và Trâu-Nước tương-tợ nhau. Coi cho kỷ mới thấy sự phân biệt.

Một con voi-lớn. Hai con ngựa rằng (Zèbres) trâu, bò rừng, các thứ nai, mang ; hai con sư-tử, một con beo,

không cọp, không Girafe, không gấu, còn nhiều thứ loại bốn cẳng kể không hết.

Loại chim, cá, rùa, cây, sắt.

Có đồ sành, kiểu của nước Tàu.

Hình, tượng vẽ-Thôi xin dám kể.

Sở Thơ-Giây-Thép lớn, tốt xứng cho nhà nước. Dinh quan Toàn-quyền, mấy nhà thờ catholiques và protestantes nhỏ, tầm thường vì người An-gơ-lê để tiền dùng việc khác có lợi. Không có nhà hát-bội (théâtre) vì nhà nước không làm.

Ga xe lửa ở giữa châu-thành, khích bên tòa Giây-thép. Lớn, đẹp, không khác mấy ga bên Paris. Mỗi cái xe kéo đến mười cái va-gon. Bộ-hành lên xuống xe hằng trăm. Bởi vì chạy xa giáp tỉnh nầy qua tỉnh kia năm, sáu ngày mới cùng đường.

Phố-phường rựt-rở, kẻ qua, lại liền đeo. Chợ dài gần hai trăm thước, bề ngan chừng ba chục thước. Người Trắng bán có tám phần, người Đen bán có hai phần. Chợ ngó qua Ga xe lửa. Vật ăn, bông hoa nhiều thứ bên Tây, An-nam có.

Xe điện chạy chẳng biết mấy đường. Bộ-hành đông nứt. Xe ô-tô chạy rộn-ràng. Không có xe ngựa đưa người ta, mà có xe ngựa chở đồ. Ngựa lớn bằng bên Tây.

Đường rộng trây dầu hắc cả. Có chỗ trồng cây, có chỗ không. Có nhà tiêu cùng đường.

Khi nảy tôi nói rằng ngoài châu-thành như cỏi Tiên. Xin cắt nghĩa.

Một dảy núi đất đỏ phần nhiều, đá ít, bao bọc châu thành. Kể bề dài hơn mười ngàn thước (10.000), bề cao vài trăm thước. Hết thảy nhà ngói, nhà kẻm ở chật cứng. Nhà lầu, trệt của người Trắng, người Đen, cái nào có vườn nấy. Cây trái, bông hoa, sạch sẽ, con mắt ngó không mỏi. Đường có thoa dầu hắc, xe ô-tô, xe điện,

xe gì lên núi được cả, chạy khắp xóm. Có chồ phải đi chưng. Nơi nào đều có đèn điện cả. Bởi vậy ban ngày dưới châu-thành ngó lên núi thấy nhà ngói đỏ lòm và vách trắng nổn. Trên núi ngó xuống châu-thành thấy xúm xích và ra biển mịt mù. Còn ban đêm, trên, dưới ngó nhau, thấy đèn điện chói như mấy triệu sao sáng rựt trời. Con mắt không đành nháy. Chẳng xứng cõi cỏi tiên sao? (Féeries)

Châu-thành Messine tại cù-lao Sicile bên nước Italie và châu thành Hồng-Kông có lẽ chịu thua Du-ban về sự đẹp đó.

Tôi đi bộ bước qua triền núi về mé nhà quê (campagne), cũng có nhà, mà ít và không đặng khéo. Ngó ra xa thâm thẳm ngoài đồng nội, thấy nhà ngói, kẽm, không thấy nhà tranh. Tôi đi đến đất bằng, thấy nhà người Đen nghèo không có cái nào lợp tranh, lá. Ở đồng bái xa chắc có nhà tranh, lá.

Vườn bách thú tên là Mitchell Parck ở cuối cùng châu-thành, nơi chưng núi tôi mới kể đây. Thằng xe kéo không biết đường phải hỏi thăm mới ra. Xa quá, một giờ đồng hồ mới đến. Tôi cho nó một đồng bạc. Lên tại chỗ rồi mới biết có xe điện ghé trước vườn; nên khi đi về tôi đi xe đó tốn một cắc bạc mà thôi.

Lên tôi đi xe kéo đường khác, về xe điện đường khác; nên tôi không tiếc một đồng bạc cho xe kéo.

Vườn thú nhỏ, không khéo, không đủ loài vật bằng Saigon. Mấy cái chuồng sơ sài, hư tệ, con voi nhỏ bằng con trâu. Loài khỉ, chim, rùa, chồn, vài con nai, một con trâu rừng, một con chim Casoar. Người An-gơ-lê nói với tôi rằng nhà nước không cần cho tốt tốn vô ích.

Cây, bông, cỏ nhiều thứ bên Annam có. Trong vườn có nhà An-go-lê bán nước, sữa, café, trà, bánh ngọt. Từ thành-phố lên đến vườn thú, nhà hai bên đường không hở, và khéo như mấy xóm khác.

Vũng tàu tôi đã kể sơ ban đầu. Bây giờ nên thuật thêm cho đủ. Tàu vô, ra cửa, một ngày phỏng năm chiếc, chừng mười lăm chiếc đậu tại vũng, phần nhiều cập khích bờ. Còn bao nhiêu đậu cột nơi trái phao giữa vũng. Bến cần đá cả. Gần ba chục cái cần vọt điện (Grues électriques), chạy tới lui trên đường sắt để cất hàng lên xuống tàu như Saigon, Sanh-ga-bô. Tại Cô-lom-bô không có, vì tàu không vào bờ đặng, cứ đậu khơi ngoài vũng.

Ở đây không có một chiếc ghe, thuyền nào cả, hoặc buôn bán, hoặc chở hàng hóa, hoặc đánh cá. Bởi vì hàng chở lên xuống tàu nhờ xe lửa, xe ngựa, xe ô-tô. Xe lửa chạy dọc theo mé bến tàu nhiều đường sắt như bên Marseille. Sanh-ga-bô phải thua vì chở ghe nhiều.

Không cho phép người buôn bán xuống tàu bán. Gần bến tàu có phố phường bán đủ thứ vật dụng.

Người Đen toàn đờn ông làm cu-ly chở hàng, thang đá lên xuống tàu, Người Trắng làm thầy. Họ cao, mạnh mẽ, chạy làm mau.

Một khúc mé vũng dài mấy ngàn thước, trống, không cho tàu đậu để chơi cho xinh. Mé cần đá, rào sắt, trồng cây, trong châu-thành ngó ra ngoài vũng lịch sự vô cùng. khi nước ròng nhiều cái cồn bày đất; mấy ngàn con chim trắng-xám lớn bằng con vịt đậu loạn nơi đó. Chắc nhờ cấm bắng, gài bẫy nên loài đó ở mới đông. Tên Tây có khi là Goélands hay là Mouettes. Thuở nay mới thấy chỗ nầy là một.

Những người Đen dống như những người Đen qua bên Đông-Pháp. Đờn ông, đờn bà bận quần áo theo Tây, đi chưng, đi dày. Không thấy trần truồng, lỏa lồ. Có người quần áo cụt như Annam. Họ xứt dầu chi mà mùi khét lạ. Tôi không thấy nhà ở hay là đình, chùa chi kiểu, tích riêng của họ. Bởi vì họ là giống giòng người trong hang, hố, rùng rú, núi non, không áo, quần. Trời sanh không biết làm nhà đá gạch. Từ

lúc Tây Trắng đến ở đất họ, lập ra phố-phường, thì họ theo bắc chước Tây. Sánh họ như người mọi xứ Đông-Pháp.

Thấy bốn, năm mươi tù Đen đi làm, bận áo, quần ngắng vãi trắng, sạch sẽ. Có lính Trắng, Đen dẫn đi. Cái khám lớn tốt.

Xứ Đu-Ban tôi ở có một ngày. Mà lòng tôi thương lắm. Vì châu-thành đông như bên nước Pha-Rang-sa là nơi tôi đã qua thăm hai lần. Năm 1910 và 1922, tôi xuống tàu tại Marseille về nhà, rưng nước mắt.

Bây giờ ở dưới tàu từ dả xứ Đu-ban trong bụng nguồi nguồi và dám khen công khéo gầy dựng Đu-ban.

Từ ngày qua khỏi đường ê-qua-tơ, khí trời lạnh luôn đến đây là nhằm mùa đông. Miềng nầy ở cuối cùng dưới hương Nam khoảnh đất Afrique. Cho nên bốn mùa trái với trên hướng Bắc.

Tàu chạy ngày 18 Mai 1929, khi tám giờ rưởi sáng ngày 21 Mai qua xứ cấp-Tung (cape-Toun).

Cắt nghĩa : Durban là tên Quan Sáu Durban.

ĐU-BAN QUA CẤP-TUNG.

De Durban à Cap-Toun.

(18 au 20 Mai 1929.)

Tám giờ rưởi sớm ngày 18 Mai 1929, tàu chạy ra cửa Đu-Ban đến biển liền. Cứ ôm mé núi qua đến Cấp-Tung ngày 20 Mai, khi thắp đèn rồi bảy giờ. Đậu ngoài biển sáng ngày 21, khi sáu giờ, Bi-Lốt ra dắc tàu vào vũng, cặp dọc bờ khi bảy giờ.

Quan An gơ lê xuống xét giấy Bát-Bô xong, sức lính Trắng gát tàu, rồi cho bộ hành lên bờ.

Mười giờ, ông Com-mi-xe (Commissaire) thuộc dưới tàu theo phép dắc tôi đến Tòa quan Lảnh-Sự Argentin (A-danh-Tin) đặng xin ký tên vào Bát-Bô của tôi. Bởi vì tại Saigon không có quan Lảnh Sự đó là xứ tôi sẽ đên chơi bên A-mê-rit. Tôi làm tờ khai theo lệ và thoa mực mười ngón tay úp trên cái tờ khai. Quan Lảnh-Sự A-danh-Tin đi khỏi. Có quan Lảnh-Sự nước Urugay (U-ru-gay) thế. Ông tên Mario Radaelli, thạo tiếng Pha-Rang-Sa. Mau mắng, làm một mình ông cho xong việc của tôi. Bởi vì khi đó người giúp ông đi khỏi. Tôi nạp hết bảy đồng bạc (7$00). Ngài nói chuyện chơi với tôi một chập lâu, rồi tôi đi dạo thành phố.

Cắp-Tung của An gơ-lê. Dân Trắng có một trăm ngàn (100.000), dân Đen một trăm ba chục ngàn (130.000). Châu-Thành mọi đều như bên Tây. Ở khích mé biển. Bề ngang hẹp, vì bị một dãy núi bao bọc. Bề dài có mấy chục ngàn thước. Nhà cất lên triền núi, lợp ngói đỏ, kẻm sơn đỏ, vậy coi mới xinh. Các Tòa của Nhà-Nước và phố phường, nhà Băng (Banques) có cái cao sáu từng, khéo cả trong, cả ngoài. Nhà trệt ngói, kẻm người Trắng ở cao chừng bốn thước đên nóc, lòng căng hẹp chừng ba thước rưỡi, vì qua mùa hạ dễ chịu. Có một cái đường tên Adderley Street xứng làm em cái đường Cannebière tại Marseille. Phố khéo, rực-rở, người mua, bán đi chen chưng, xe điện hai từng đi trên đường sắt chạy mấy chục ngã xúm tại đó, và các thứ xe ô-tô, xe ngựa cũng vậy. Ngựa cao như bên Tây. Không có xe kéo. Vui nhờ vậy!

Cái chợ dài, rộng, không khéo. Vật bán nhiêu món Đông-Pháp có. Xe lửa chở đồ bán ghé khích vách chợ. Tại Cắp-Tung và Đu-Ban Tòa Mairie có một cái tháp cao hơn hết trong Châu-thành, đứng phía nào, xa mấy thấy rõ ràng. Tháp chuông các nhà-thờ vắng nhiều, xa không thấy.

Coi sổ dân thì biết số mấy vạng cái nhà và mọi sự cần dùng nhiều ít của họ. Trong Châu-thành, chung-quanh Châu-thành mấy con đường vào xóm Trắng, Đen trét dầu hắc. Ngày đêm cặp mắt ngó khắp chẳng mỏi

Dinh Quan Toàn-Quyên làm việc phải nhượng sự lớn và khéo cho hai cái Dinh Quan Toàn-Quyên Đông-Pháp tại Saigon, Hànội. Dinh đó tương tợ dinh Quan Thống Soái Trung-Kỳ Saigon. Nhà Ngài ở trong vườn thú, thấp, nhỏ, tầm-thường, ngoài Châu-thành sáu, bảy ngàn thước.

Nhà Thờ Saigon đứng bực nhứt trong mấy xứ tôi đã thăm rồi.

Ga xe-lửa giống như bên Paris và ở giữa Châu-thành. Nói vậy là đủ đều khen. Chuyến xe năm, sáu giờ chiều, hành-khách bước lên xe mấy trăm. Không rõ họ đi đâu. Xe chạy qua Đu-Ban ba ngày đên. Nhiều chiếc đi giáp các tỉnh khác.

Sở Muséum làm cho tôi mê sa hơn mọi đều. Cầm, thú trữ tại đây là lốt-dồn hay là cốt-ráp. Tôi xin kể vật lạ hơn hết mà thôi:

Một con khỉ đực Gorille và một con cái lớn bằng người ta. Mình mấy in hịch người. Thuở nay tôi không tinh sách nói có, bây giờ mới chắc thiệt.

Năm, sáu cái hình xương toàn vẹn cá ông ráp lại. Mỗi cái dài gần hai chục thước, cao gần ba thước.

Nhiều cái cốt toàn vẹn của con thú lớn, nhỏ bốn cẳng ở dưới đất tìm đặng (fossiles). Một cái cốt giống như con rồng. Mấy con đó chết mấy ngàn năm rồi. Các con đó không có sống nữa trên bầu trời.

Mây con Tê-Ngu và Trâu-Nước cái mình lớn gần bằng voi. Cẳng thấp hơn. Có nhiều cái sừng Tê-Ngu cao một thước. Nhiều cái ngà voi dài hai thước, tròn bằng bắp vế. Hai cặp sừng trâu mỗi cái dài lối hai thước. Một

cái mu rùa bề ngan gần hai thước. Nhiều thứ nai, trâu bò rừng lạ kỳ. Còn loài vật, đồ khác kề sao đặng?

Vườn bông quí lắm. Xin nói bông hường mà thôi. Nhiếu màu, sắc, lớn lạ tôi chưa được thấy Như tôi là một người trồng bông hường chơi hạng nhứt tại Huế, có gần ba chục thứ mà còn mừng vậy thay! Bây giờ mùa đông, lạnh léo mà nó ra bông đầy vườn. Cây, cỏ it thứ giống bên An-Nam.

Vườn bách-thú ở cách châu-thành sáu, bảy ngàn thước Đi xe điền, autobus có mấy xu đến. Chỗ nầy rừng cây, cao, lớn loại thông với dầu-dó phần nhiều. Cảnh như chỗ tế Nam-Giao, ở Huế và mấy vườn Cao-Xu Đông-Pháp. Vạt đất rộng có mấy chục mẫu. Chuồng loài vật tệ lậu quá, sơ-sài, xấu-xa, dường như tạm đở. Có ba con sư-tử, hai ngựa rằng (Zèbres) hai con Lamas, một con autruche, khỉ, chó, chồn vá chim it con. Thua vườn thú Saigon xấp mấy phần về sự khéo và nhiều cầm thú. Là vì Nhà-Nước đã tồn phí lập sở Musèum để cho thiên hạ coi đủ rồi.

Nhà ở của quan Toàn-Quyền tại trong Sở Bách-Thủ đã nói rồi. Thua nhà Thương, nhà Trường-Học, sở Bố-Lềch ở tại châu-Thành. Từ phố lên đây, nhà ở hai bên đường đặt-gật.

Người Trắng nhiều nước, người Đen cũng nhiều nước, làm ăn chung cùng với nhau đủ nghề. ở nhà ngói, kẽm hêt. Đờn ông, đờn bà ăn mặt đồ tây. Bởi vậy nhiều nhà bán toàn quần, áo mấy ngàn cái, mũ mấy ngàn cái, dày mấy ngàn đôi.

Không thấy đờn bà còn gái đi làm cu-ly ngoài đàng sá. Lúc nầy mùa đông lạnh, nên những con gái lai và đen trùm khăng foulards ngũ sắc như đờn bà, con gái An-Nam.

Nghe nói Nhà Nước An-gơ-lê cấm đờn ông, đờn ba An-gơ-lê không đặng kết vợ chồng theo lệ luật với người Đen, Vàng. Chơi bời tùy thích.

Tại bến tàu thấy hai anh Đen đánh lộn với nhau, đã thèm rồi buôn, không ai dồ dành chi, theo cách hai anh Trắng đập lộn tại bến tàu Đu-Ban.

Bến tàu có đập đá bao bọc cảng sóng, khéo theo kiểu bên Marseille, nghĩa là nhiều cái vũng xây đá từ khuông hình như bàn cờ đánh. Tàu đậu cập bờ cả, nên không cần thả phao. Thường ngày có vài chục chiếc tàu đậu và bốn, năm chiếc tới, luôi. Hàng hóa chở lên, xuống tàu nhờ xe lửa, xe ô-tô, xe ngựa. Không thấy ghe, thuyền tại vũng. Chim Mouettes thiệt dạng, đậu trắng vũng và gần bên hông tàu đặng kiếm đồ trong tàu đổ ra ăn.

Từ Marseille qua bên Tàu và Nhựt-Bổn mấy bến tàu là nơi tôi có đi mấy năm trước tôi không thấy có chim Nhàn (Mouettes) đậu nhiều bằng Đu-Ban và Cấp-Tung.

Cảnh Cấp-Tung như cõi Tiên, vì có biển, đất-bằng, núi cao có gần một ngàn thước. Ban ngày mặt trời dọi mái nhà đỏ lòm. Ban đêm, đèn điển chói lộn với ngôi sao.

Hơn Đu-Ban xấp ba.

Ngày 22 Mai 1929, khi ba giờ chiều, tàu trở ra biển, vượt qua Rio-de-Janeiro (A-mé-rít).

Trọn đời tôi ghi ơn Người cho phép đến thăm cập-Tung. Nên đứng dưới tàu nhình lại lần chót châu-thành, khuất hết mới đành đi ngơi.

Cắt Nghĩa = Cape là cái mũi đất. Toun là châu-thành Nghĩa là châu-Thành tại mũi đất

TỪ CẤP-TUNG QUA RI-Ô-ĐÊ-GIA-NÊ-RÔ

De Cap-Toun à Rio-de-Janeiro

(Du 22 mai au 1er Juin 1929)

Tàu chạy từ Cấp-Tung qua đến Rio-đê-Gia-nê-ro mười một ngày trọn. Tới chỗ nầy bửa 1er Juin, sáng mai 2 Juin chạy xuống San-Tô (Santos).

Trong mấy ngày đó, dưới tàu có hai đứa con nít Nhựt-Bổn chết nữa. Sự làm đám và thả xuống biển cũng như đứa hôm nọ.

Nhiều người An-Nam biết sự tích ông Christophe colomb tìm đặng miến đất A-mê-Rít trong năm 1492, thì đặng bốn trăm ba mươi bảy năm rồi (437).

Châu thành Ri-ô-đê-Gia-nê-rô là kinh-đô xứ Bê rê-Xinh (Brésil) thuộc của người Bút-Tu Gê (Portugais) lập Dân-Quốc (République), mà không có tùng về xứ Mẹ là Bút-Tu-Gang (Portugal) ở bên Tây. Xứ Bê-rê-Xinh là một phần đất chia nằm trong miếng đất lớn A-mê-rít phía Nam-Dân có ước ba chục triệu cả Trắng, Đen (30.000.000).

Trong châu thành Rio-đê-Gia-Nê-rô có chừng một triệu năm trăm ngàn (1. 500.000) ăn mặt đồ tây. Người Trắng, Đen đi dày, guốt và chưng không. Làm ăn nghề hèn-hạ không ngại. Không thấy đờn bà làm cu-ly. Có ít chục chinois và Nhựt-Bổn.

Tôi mới bước ra cái thang tàu đặng lên bờ, người lính Phú-Lich Trắng gát tại đó biểu tôi phải bận quần áo-tây mới đặng phép dạo phố. Tôi nói rằng tôi An-nam mặt theo xứ tôi. Anh ta kêu người Nhựt-Bổn hỏi, rồi biết sự thiệt mới chiệu cho tôi đi chơi.

Châu-thành mặt trước khích-mé biển, mặt sau liền đụng núi cao đá xanh cứng lắm.

Nhà cất dài theo núi và trên dốc núi. Bề ngang kinh-đô có chỗ rộng lắm chưa được một ngàn thước. Bởi vậy nhà ở chạy dài theo núi kề biển có mấy chục ngàn thước và biết số bao nhiêu mà kể. Làm đá, gạch, ngoái, kẻm, khéo, toàn kiểu tây. Có một cái cao một trăm hai mươi lăm thước chia ra làm hai mươi bảy từng lầu. Có lẽ một mình nó cao hạng nhứt. Của một cái hội nhựt trình để cho thuê. Bề ngoài không hoa hoè, không khéo, hình như cái bình-phong, (Ecran). Những nhà nhiều từng lầu là của dân cả.

Đền Đức Giám-Quốc, sở Mairie nhà hát bội cùng các tòa của nhà nước điều xứng đáng cho nước Bê-rê-Xinh.

Các con đường đều trét dầu hắc. Nhiều cái hẹp. Có một cái rộng chừng năm chục thước, dài tám trăm thước là khéo lắm và mới mở từ năm 1911. Khi trước là một hòn núi, rồi hội đồng thầy-thuốc (service-sanitaire) xin phá cho trống gió thông đặng cho bớt bịnh Thương-hàn-Vàng (Fièvre Jaune)

Ga xe lửa lớn khéo.

Phố buôn bán không chê đặng

Có đủ thứ xe, trừ xe kéo không có. Xe điển chạy trên đường sắt. Đèn điển dùng khắp nơi.

Trước mặt châu thành, mấy chục cù-lao đá đều có lầu đài cả. Thiên hạ qua lại nhờ xà-lúp đưa không kiệp.

Vủng tàu trời sanh. Rộng ngó xung quanh mù-mù như vủng Tourane (Annam tại Trung-Kỳ-Annam). Không làm đập đá. Gần một trăm rưỡi chiếc tàu lớn đậu trong bờ và khơi ngoài vũng. Mỗi ngày vài ba chục chiết vô ra cửa. Sự chở chuyên lên xuống tàu theo cách đời nay.

Nếu kể riêng từ món tốt, xấu, thì nhiều, sợ nhọc người đọc. Vậy xin kể tắc rằng xứ nầy đẹp hơn Cấp-Tung xấp mười.

Tại đây nhằm mùa đông.

Cắt nghĩa: Rio-de-Janeiro: Rio là cái sông. Janeiro là tháng giêng. Thiệt nghĩa là chỗ nầy là cái sông tiềm-đặng trong tháng giêng.

TỪ RI-Ô-ĐÊ-GIA-NÊ-RÔ QUA SAN-TÔ

(De Rio-de-Janeiro à Santos)

Ngày 2-3-Juin 1929

Tàu ra cửa Ri-ô-đê-Gia-Nê-Rô sớm ngày 2 Juin. Nội ngày đó, khi mười giờ đêm, xáng neo tại San-Tô (Santos).

Quan Thầy thuốc xuống khám tàm, chính trăm người Nhựt-Bổn rồi cho lên bờ hết-vì họ đi-đến đây là cùng.

Châu-thành San-Tô thuộc của nước Dân-quốc Bê-rê-Sinh. Dân lối một trăm ba chục Ngàn Trắng, Đen (130.000). Ăn mặt đồ tây, đi dày, đi guốt và đi chưng. Người Nhựt-Bổn ở tại châu-thành và trong nhà quê đi chừng một-ngày đường là nơi trồng cà-phê với cao-xu số đến sáu vạng (60.000). Họ đến ở gần mười năm rồi; sự tích nước Nhựt-Bổn và nước Bê-rê-Sinh lập lời ước nhau tôi đã dẫn trước rồi. Có vài chục Chinois.

Nhà đông, ở đất bằng, từ mé biển vô tới núi cao. Số nhà ở trên núi ít. Vì có đất bằng còn nhiều. Nhà đẹp và lớn không bao nhiêu. Phần nhiều thì nhỏ, thấp.

Phố-phường tốt vừa-vừa, kiểu tây, bằng đá, gạch, ngói, kẻm. Nhà lầu bằng ba, bốn từng, song ít. Các tòa của nhà nước tốt.

Ga xe lửa đẹp, lớn khá-khá ở cuối cùng châu-thành.

Chợ có nhiều cái nhà nhỏ gần nhau để bán riêng gà, cá, thịt, trái cây. Cá dầm nước đá. Nhiều người Nhựt-Bổn đờn ông, đờn bà đi chưng buôn bán tại chợ và gánh bán dạo. Hàng hóa nhiều thứ dống bên Đông-Pháp. Chợ như vậy không vui.

Đường đi hẹp, rộng ít lắm. Vài ngỏ trét dầu hắc. Còn bao nhiêu đồ đá nhỏ, lót đá tấm như gạch miếng. Không sạch.

Mấy cái đường chạy vào xóm có ao, nước, lầy bùng, thì chưa đồ đá. Nhiều miếng đất bỏ trống cỏ mọc loạn và nước ứ.

Con đường dài, trét dầu, gần ba ngàn thước chạy theo mé biển, có nhà lớn, nhỏ, tốt, vui. Người đến đây tắm mỗi ngày hơn ngàn. Dưới bải biển có người chụp bóng, buôn bán gánh xách đông vui. Đường nầy ở cuối cùng châu-thành. Ngó ra biển thấy tàu chạy vui.

Tòa quan Lãnh-sự Pha-Rang-Sa nhỏ, thấp, đẹp. Tôi đến thăm riêng, không phải xin ký Bát-Bô, mà tôi có trình cho Ngài coi. Ngài dạy rằng không có người An-nam ở Sau-Tô. Trong ba năm nay ngài mới thấy tôi là người An-nam đi chơi qua xứ nầy.

Có một hòn núi ở trong châu-thành, cao hai trăm thước. Trên chót có một nhà hàng cơm, một cái nhà thờ nhỏ và it cái nhà người Trắng nghèo. Có đường leo bộ. Có một cái xe điển kéo rút thẳng ngược lên, chớ không chạy quanh quẹo-gọi là funiculaire. Tôi lên đó ngó xuống phố-phường đẹp quá. Giá lên xuống xe điển hai cắt bạc. Người lên theo xe đó mỗi ngày lối sáu trăm người (600). Còn họ trèo bộ không kể. Núi đất đỏ, có xoài, cam, quit, chuối tre vân-vân.

Nhiều xe điển chạy đường sắt nhiều ngã. Xe ô-tô nhiều. Không xe kéo. Xe ngựa it lắm. Dùng lừa kéo xe chở đồ mà thôi. Xe không lên núi, vì it nhà ở trển.

Bến tàu trời sanh khích biển. Không có đập đá. Chừng một trăm chiếc tàu đậu trong bờ và ngoài khơi. Bề dài cái vũng chừng hơn hai ngàn thước, bề ngan rộng chừng sáu, bảy trăm thước. Mỗi ngày chừng ba chục chiếc vô, ra cửa. Phần nhiều chở Ca-phê, vì trong bầu-trời xứ Bê-rê-Sinh trồng ca-phê nhiều hơn hết. Không biết mấy vạn bao ca-phê lớn bằng bao gạo chúng ta, để nằm trên những mấy miếng vải chắc lắm và dài mấy ngàn thước có điện kéo chạy trúc xuống tàu. Mỗi ngày chở mấy vạn quày chuối-và-lùng bán các xứ.

Tại San-Tô có hai người A-danh-Tin (Argentins), một ông là Thầy-Thuốc, một ông là commis đi xuống theo tàu của tôi. Hai ông là nhà nước A-danh-Tin (Argentine) phái tới đó, đón tàu theo khám người làm việc và bộ hành dưới tàu coi có mang bịnh truyền không (Epidémie). Vì Chiếc tàu nầy chạy về cửa Buénos-Aires là cửa lớn hạng nhứt bên Argentine. Bất kỳ mỗi chiếc tàu nào ở đâu đến cửa đó thì có phải mỗi chiếc hai ông như vậy đi đón ở dưới tàu lo việc đó.

Miềng nầy nhằm mùa đông, nên lạnh lắm.

Sánh sự khéo, sạch-sẽ, thì San-Tô thua Saigon và các xứ tôi mới thăm rồi.

Cắt nghĩa chữ Santos : Là Toussaint hay là các vị Thánh-Thần.

TỪ SAN-TÔ QUA MON-TÊ-VI-ĐÊ-Ô

De Santos à Montévidéo (Uruguay)

(Du 3 au 6 Juin 1929)

Tàu đến Môn-tê-vi-đê-Ô ngày 6 Juin 1929, khi bốn giờ chiều.

Số là tàu ở San-Tô (Santos) chạy ngày 3 juin thẳng xuống Bu-ê-nos-ê-rơ (Buénos-Aires), là kinh đô của Dân-quốc A-danh-tin (République Argentine). Nhưng mà hôm nọ tàu tôi có ghé chỗ Ri-ô-đê-Gia-Nê-rô (Rio-de-Janeiro) là nơi có bịnh Thương-hàng-vàng hay truyền (Fièvre jaune). Nên nhà Nước A-Danh-Tin bắt tàu phải ghé đậu tại Mon tê-vi-đê-ô vài ngày rồi coi có ai dưới tàu mang bịnh thương-hàng-vàng không. Như mạnh khỏe cả, thì đúng hạng rồi cho chạy về Bu-ê-no ê-rơ trong mười giờ đồng hồ thì đến. Tàu nào cũng phải chịu phép đó. (La quarantaine)

Tàu đậu dữa vũng. Cấm không ai dưới tàu đặng lên bờ.

Có quan Thầy-Thuốc và Bô-Lích trên Châu-Thành xuống sấp đặc mọi sự.

Mon-tê-vi-đê-ô là kinh đô của xứ Dân-quốc U-ra-guay (République de l'Uruguay). Xứ nầy thuộc về người E-Ba-Nho (Espagnols) lập ra dân quốc không theo quyền xứ Mẹ là E-Ba-nhơ (Espagne bên Tây. Dân toàn nước độ hai triệu người Trắng, Đen, ăn mặt theo Tây (2.000.000) quan Giám-quốc cử lảnh chức một hạng là bốn năm. Lương mỗi tháng ước bốn ngàn đồng bạc Đông-Pháp. Ngài ở tại Kinh-đô Mon-tê-vi-đê-ô. Dân trong châu-thành đó phỏng năm trăm ngàn Trắng, Đen, và có chen vào it người Chinois và Nhựt–Bổn. (500.000)

Không ai đặng phép lên đất, thì đứng dưới tàu ngó lên; thấy nhà đông lắm, cao có chính mười từng lầu, cất đầy xung quanh cái vũng tròn tàu, ngó đẹp lắm như các nơi tôi đã thấy rồi. Họ nói châu-thành toàn theo cách tây tốt thiệt hơn San-Tô. Không có núi.

Tàu đậu trong bờ và ngoài vũng ước bốn năm chục chiếc. Mỗi ngày phỏng hơn mười chiếc vô, ra cữa. Cái vũng trời sanh khích bên biển, có đập đá nhiều (jeteés), ghe chở hàng vô, ra tàu đậu nơi vũng. Toàn đờn ông Trắng, Đen khiên, vát lên xuống tàu.

Ai cũng phiền không lên coi phố-phường đặng.

Có mấy chiếc tàu Pha-Rang-Sa tên Florida, Formose và Mendoza đậu gần. Mừng, muốn qua thăm chơi, mà bị cấm không cho lìa tàu. La Plata Maru.

Xứ nầy mới vào mùa đông mà lạnh khó chịu.

Cắt nghĩa chữ Montévidéo = Ngó trên núi.

TỪ MON-TÊ-VI-ĐÊ-Ô QUA BU-Ê-NO-Ê-RƠ.

De Montévidéo à Buénos - aires.

Du 8 au 9 Juin 1929-18-6-29

Nước A-Danh-Tin (Argentin) là Dân-quốc (République của người E-Ba-nho (Espagnols), biệt với xứ Mẹ bên Tây

là E-Ba-nhơ (Espagne). Số dân hơn mười triệu người (10.000.000). Trắng và Đen. Trong số đó có tám vạn (8).000) người Pha-Rang-Sa. và các thứ Tây-Trắng khác đông hơn người Pha-Rang-Sa. Người đen chừng mấy ngàn mà thôi, là vì thuở xưa họ không ở xứ nầy nhiều và họ ở trong rừng rú bị nước độc và đánh giặc chết nhiều không kiệp sanh. Ăn mặc đồ tây-Trắng, Đen theo tuật lệ nhà-nước bằng ngan nhau (Egalité), Bảy, tám trăm (7 à 800) Nhựt-Bồn, vài trăm Chinois, vài người An-Nam Bắc-Kỳ. Người Trắng, Đen làm công việc hèn hạ mỗi tháng hạn chót một trăm sáu chục đồng bạc (160$00). Người Vàng tám chục đồng (80$00)

Quan Giám-quốc người Trắng hiện được cữ lãnh quyền sáu năm. Bạc lương và các thứ tiền thêm (Suppléments) mỗi năm một trăm hai mươi ngàn đồng bạc (120.000$00). Mà Ngài không chịu lãnh đồng nào, giao trọn sáu năm cho nhà nước cấp phát cho những hội làm phước. Trước khi được cữ, Ngài chức Docteur, chuyên nghề trồng-trĩa và nuôi loài vật bán. Dinh Ngài làm việc tại Buénos-aires ba, bốn từng lầu, khéo xứng đáng ; trong Dinh có phân chồ các Bộ làm việc (Ministères). Quan dân đờn ông, đờn bà, con gái đến xin hầu Ngài một ngày có mấy trăm người. Song Ngài không giờ tiếp hết, cho vào mỗi ngày một it. Tôi mặt khăng đen áo, quần Annam có đến dinh chơi. Mấy người đó họ biểu tôi làm đơn xin vào hầu Ngài, Tôi làm đơn, thì quan coi lễ-phép (Chef du Protocole), và quan Tham-Tri Bộ-Lại (Sous - Secrétaire) d'Etat au Ministère de l'Intérieur) có tiếp tôi tử tế lắm. Hai Ngài có lòng giúp cho lo liệu, Song nói rằng quan Giám-Quốc mắc bàn việc lớn với các quan và dân, nên không rãnh mà cho tôi vào chào Ngài. Chớ chi tôi còn ở lâu tại châu-Thành thì có lẽ sau đặng.

Bu-ê-no-è-rơ là Kinh-Đò nước A-Danh-Tin, ở khích biển. Số dân gần hai triệu (2.000.0000). Trong số đó có một vạn (10.000) người Pha-Rang-Sa, còn người Trắng

nước khác đông hơn người Pha-Rang-Sa. Cho nầy là lớn hạng nhứt trong toàn miếng đất A-mê-rít-Nam (Amérique du Sud). Châu-thành rộng bốn mặt, nhờ không có núi. Đi xa mấy ngày mới gặp núi. Nhà đông, khéo, lớn, cao hết sức chừng mười hai từng lầu là của dân. Các tòa của Nhà-nước thấp hơn. Kể sơ it cái nhà khéo, lớn là :

Dinh quan Giám-quốc làm việc (chỗ ở nơi khác), Tòa-Thượng-Hội-Đồng (Le Sénat, Mairie, Tòa-án, Nhà-Hát-Bội, Tòa Thương-chánh (Douane), Tòa Thơ-Giây-Thép lớn bằng mười tòa Thơ-Giây-Thép Saigon, thiên hạ tới luôi một ngày có gần vạn người. Còn tòa gởi đồ cách riêng xa (colis postaux). Người làm việc dấy ngồi trong sở hết chinh phần đờn bà con gái làm.

Nhà buôn-bán, nhà Băng cho vay lớn đẹp kể sao xiết.

Ở khỏi chính dữa Châu Thành, nhà trệt chừng ba, bốn thước bề cao.

Phố phường buôn-bán rực-rỡ như bên Tây. Ban đêm thắp đèn điện ngũ sắc trong mấy cái bản rao xin lạ lùng như cảnh tiên.

Mấy trăm cái nhà Ci-nê-ma, hát-bội, múa (Dancings). Những người hát, múa ở các nước Tây lại đây rồi mãng hạng về có người ăn lương một ngày đến năm sáu chục-đồng bạc.

Các con đường rộng, hẹp, lót gạch bằng cây, (pavage en bois) bằng đá xanh, tráng dầu hắc.

Có xe điện chạy dưới đất (Métropolitain). Xe điền chạy trên đường sắt trên mặt đất, mấy vạn xe ô-tô và it cái xe ngựa tranh nhau làm ăn. Xe điền đi gần, xa cứ giá một cắt bạc mà thôi. Xe điền chạy ngỏ nào cũng có, trừ vài cái đường rộng (avenues-Boulevards), cấm không cho vào, để cho xe ô-tô và xe ngựa qua lại mà thôi. Mấy con đường đó đẹp vô cùng, như l'Avenue de Mayo, le Boule-ard de Palermo, vân vân.

Cái Avenue de Mayo rộng bốn năm chục thước, hai bên có phố buôn bán tốt trong bực nhứt; ban đêm đèn điện ngủ sắc thiệt khéo.

Cái boulevard Place Palermo rộng gần một trăm thước, dài mấy ngàn thước, đối với la Place de la Concorde và đường Champs-Elysées ở Paris. Xe ô-tô chạy liền nhau một ngày có mấy vạn chiếc chạy mau lắm, là vì một bên chạy xuôi, một bên chạy ngược.

Ngồi ghế bên đường lề, coi chơi quyên ăn, ngủ,

Khích một bên Place Palermo có vườn cây lớn chơi mát. Có một cái vườn E-Ba-Nho (Espagnol) cây thấp, uống vòng tròn, vòng ngan; lại có một đám mấy ngàn cây bông-hường đủ màu, tốt biết sao mà nói. Có hồ, xuống chèo chơi.

Kế một bên kia chỗ Place Palermo có vườn bách-thú vô cửa một cắt bạc. Tốt bằng vườn bách-thú Paris. Nhà cầm thú khéo, đẹp. Đủ thứ loài vật các nước trong bầu-trời đem lại đó, như :

Ba con trâu nước (Hippo potames). Tôi coi ngó luôn hai ngày, không muốn coi con khác, vì xưa nay chưa thấy cho rõ ràng như bây giờ. Trong năm 1910, tôi và vợ, con tôi có qua Paris thấy hai con nhỏ nơi vườn thú Paris, nhưng mà nó ở dưới nước mải, nên chưa bằng lòng. Ba con nầy cái mình bằng hai con trâu nhà và mập ú-nú như heo. Hình-thù xấu xa, tương-tợ con bù-rầy ăn đọt dừa. Bốn cẳng như voi, lùn hơn trâu cày, bốn móng, cái mặt lớn quá, cái miệng rộng thình-thình, hai con mắt lòi ra. cái đuôi nhỏ như đuôi heo, ăn cỏ, nó ỉa cức lổng, cái đuôi nó đánh lia, lịa cức văng hai bên mõng đích, không để cức rớt ngay xuống đất như thú-vật bốn cẳng, đi chậm rải, da đen, lông ít, thưa sưa-sài, lên trên đất một hồi, xuống nước nằm lâu, đầu mình trầm mất cả. Không nghe tiếng kêu. Nó dống heo nhiều, đáng lẽ gọi heo nước phải hơn. Người Pha-Rang-Sa kêu là Ngựa-nước.

Ba con voi, nhiều cọp, sư-tử, beo, gấu trắng, đen, xám, vàng, ngựa-rằng (zèbres), một con girafe, heo rừng, các thứ nai, hưu, các thứ bò, trâu rừng, bốn con cá phoques, các thứ khỉ ; có thứ khỉ tên là Mandrille ở A-Phi-Cơ (Afrique) cái mặt nó khéo lạ, có sọc ngủ-sắc từ tráng xuống miệng, như mặt tướng hát bội An-Nam. Nó nhăng răng hoài, lại thêm dị kỳ nữa. Hai con Già-Nhơn (orangs-outangs) các thứ chim, có một con chim ông Già-Đẩy (Marabout) bên Đông-Pháp (có cái bản đề rằng Patrie-Indochine, các loại chó rừng, dê rừng vân vân.

Cách một con đường có cái vườn cây cỏ (jardin botanique) ở các nước đem lại; lớn, khéo, mà không bông.

Từ chỗ Place Palermo đi thẳng lên hai ngàn thước có một cái trường đua ngựa. Đẹp, khéo hơn trường đua Paris. Từ đầu năm, tới cuối năm, mỗi ngày chúa nhựt đều có đua. Bữa chúa nhựt, 16 Juin 1929, tôi có đi coi. Vô cửa từ hai đồng bạc lên mười đồng bạc. Tôi mua dấy ba đồng. Trời lạnh quá, mà người đi coi có mười lăm ngàn (15.000) người. Có lò lửa tại nơi sân để cho ai muốn hơ tùy-ý. Kỳ đua nào trời ấm, thiên hạ đông xấp hai, ba. Đua sải luôn. Họ không ưa đua tế, nhảy rào, ao, đua xe. Ngựa cao gần hai thước, khỏi đầu tôi, vì tôi cao có một thước sáu tấc rưỡi (1m65). Có một độ hạng nhứt ăn đến hai mươi bốn ngàn, bốn trăm, bảy mươi tám đồng bạc (24 478$00). Đua tám độ, tổng cọng bạc thưỡng là tám vạn, tám ngàn, hai trăm, bốn chục đồng bạc (88.240$00) Họ đánh-cá nhiều lắm (Pari Mutuel).

Ngoài đường đi có mấy ngàn cái xe ô-tô đậu ba, bốn hàng. Sự vui kể không được.

Tôi có đến Tòa quan Lảnh-Sự Pha-Rang-Sa, quan Phó tiếp tôi theo phép lịch-sự. Nói chuyện lâu, Ngài kể tích ngài có thăm xứ Đông-Pháp trong năm 1924-1925. Ngài có mời tôi về nhà ăn cơm. Song tôi không dám lảnh cái ơn lớn đó. Ngài còn trẻ. Khi trước có làm Phó-Lảnh-sự bên Ko-bề, Nhựt-Bổn. Ngài không biết có người An-Nam

ở trong Châu-Thành hay không. Vì không thấy họ đến khai báo chi. Tôi tới hầu thăm, chớ không ký dấy gì.

Khi nầy tôi nói có ít người An-Nam Bắc-Kỳ là tôi gặp mấy người Chinois nói với tôi như vậy.

Những nhà-thương của Nhà nước đều không có lấy tiền (gratuit). Từ ông quan Giám Quốc đến người cực khổ nằm phòng, ăn, uống, thuốc bằng nhau. Không phải để phòng tốt cho kẻ sang, mà để phòng xấu cho kẻ bần-hàng.

Người ở nhà đau, không kiệp vào nhà thương, mời thầy-thuốc đến lập tức chữa bịnh không tiền.

Tại Châu-thành, người Trắng các Nước ở đông. Mỗi Nước có lập nhà thương riêng. Người Pha-Rang-Sa có một cái nhỏ của société Philantropique. Hội nầy lập ra được một trăm năm nay, có sáu ngàn (6.000) người vào hội, mỗi tháng góp một đồng rưởi bạc (1$50). Và có người cho bạc riêng nữa. Mấy người Hội vô nằm không tiền. Người ngoài phải đóng mỗi ngày từ năm đồng bạc, sấp lên hai mươi lăm đồng. Tôi có đến thăm nhà thương, thấy có một người An-nam Bắc-kỳ đau phổi nằm chung với người Trắng, chỗ sạch sẽ vô cùng. Anh ta nói rằng làm công dưới tàu Pha-Rang-Sa đau, hảng cho lên vào nhà hơn một tháng. Bịnh bớt nhiều. Chừng mạnh theo tàu khác về Pha-Rang-Sa.

Mỗi tháng người các Nước tự họ muốn đến xứ A-Danh-Tin kiếm việc làm gần một vạn người. Ai chưa có chỗ làm liền, hay là chưa có chỗ tạm-trú, thì mấy vạn đờn ông, đờn bà, con nít nhà-nước A-Danh-Tin đều nuôi ăn, ngủ trong năm ngày tại sở Immigration (Tân-Đáo). Rồi quá hạng 5 ngày, Nhà-nước cấp cho giấy xe-lửa, hoặc giấy tàu mà đi đến nơi làm việc, dầu xa mấy Nhà nước cũng chịu. Tôi có đến coi sở nuôi nầy, thấy mấy ngàn người đang ăn đồ tây, bánh mì. Tôi tới nhà bếp, chỗ nào đều trong sạch. Xứ A-Danh-Tin còn đất bỏ trống nhiều cầu cho người xứ khác đến cày, cấy. Có một Bà-quan,

(Femme Fonctionnaire) làm sở Immigration biết nhiều tiếng ngoại quốc (polyglotte) dẫn tôi đi coi và cắc nghĩa mọi sự.

Vậy thì tôi biết đặng mấy đều nhơn-đức của dân-quốc A-Danh-Tin :

1• Quan Giám-quốc cho hết sáu năm lương của Ngài cho Hội làm phước.

2• Toàn mấy cái nhà-thương của Nhà-nước không lấy tiền.

3• Chỗ nằm, ăn, uống thuốc trong nhà-thương đó có một bực mà thôi, quan, giàu, nghèo nhờ đồng nhau.

4• Nuôi đải mấy người xứ khác đến làm ăn.

Có khi mấy điều quí nầy trong vạn-quốc không có.

Xứ A-Danh-Tin chuyên nghề nuôi ngựa, lừa, bò, cừu, dê, gà, vịt bán sống các xứ, và làm việc nông nữa. Có nhiều sở buôn-bán làm thịt một ngày đến mấy ngàn con súc vật, bỏ vào hộp chở bán khắp bầu trời.

Trong sở Musée, nhiều cái xương con thú đời xưa lạ lắm. Không phải người ta có ý đi tìm đào đặng. Thình-lình, làm việc đất, gặp, hay là gần mé biển, sông, nước đánh lòi ra, họ lượm đem về. Bắt chước làm ra nhiều cái cốt bằng cây, vôi (plâtre), gởi đi các nơi cho người ta coi.

Bến tàu làm từ khuông bằng đá (Bassins). Mỗi khuông chừng mười chiếc tàu đậu. Cả thảy phỏng một trăm rưởi chiếc (150). Mỗi ngày, đôi ba chục chiếc tới lui, Tôi có xuống chơi chiếc Formosa của Pha-Rang-Sa có hai người An-nam Bắc-kỳ làm công ở dưới. Tôi gặp một người nói qua đây ba lần rồi.

Cái sông La Plata lớn bề ngan mấy ngàn thước. Không có cù-lao, không núi. Đứng bên nầy không thấy mé kia.

CHAU-THÀNH LA PLATA

Buénos-aires là Kinh-Đô xứ A-Danh-Tin và tên một cái tỉnh nữa. Chỗ tỉnh-thành Buénos-aires kêu là La Plata xa cách năm mươi sáu ngàn thước (56) Đi xe lửa một giờ rưởi. Dân ở tại châu thành La Plata năm trăm ngàn (500.000) người. Nhà quan, dân thấp. Cao vài từng lầu là cùng. Xe điện, xe ô-tô, xe ngựa đông.

Vườn bách-thú tốt, đủ thú-vật, mà ít.

Sở musée có một cái cốt như con rồng dài hơn ba chục thước. Một cái cốt cá ông dài chừng nớ. Mấy cái vỏ con trúc bề tròn mấy thước. Loài Rồng và trúc đời mình tiệt mất hết.

Tàu tôi vô vàm sông ngày 9 Juin 1929, phải đậu xa châu-thành Bu-ê-no-è-rơ bốn năm chục ngàn thuớc đề thầy thuốc xét có bịnh gì có độc không. Có năm, sáu chục chiếc cũng phải chịu phép nầy (La quarantaine), nên đậu cách nhau một hai trăm thước ngó vui biết chừng nào.

Ngày 10-Juin tàu tôi đặng phép vào vũng ghé bờ. Chỗ nầy tàu đậu lâu tám ngày là tại phép hãng tàu đặng chở hàng hóa cho kịp bộ hành phải lên ở châu–thành cả, ấy là quyền của hãng tàu như vậy. Nhà hàng ăn ngủ một ngày từ năm đồng trở lên mấy chục đồng. Tôi ở nhà hàng tám đồng bạc ông chủ I-ta-li-en, bà vợ người Pha-Rang-Sa.

Khi tôi trên tàu vừa bước xuống đất, có ông chủ của cái nhựt-trình critica chụp hình tôi. Nội ngày 10 Juin, ông đem cái hình in vào nhựt-trình và nói it câu rằng tôi người An-nam, làm quan hưu-trí, có mè-đay đi dạo chơi toàn cầu trái đất.

Nước nào ở đây đông đều có nhựt-trình riêng. Pha-Rang Sa có nhựt-trình Le courrier de la Plata đặng sáu mươi bốn năm nay (64 ans).

Trong lúc nầy nhầm mùa đông, lạnh ống thủy xuống còn bốn, năm chữ.

Nơi chỗ quê không nhầm mùa lúa mì, cây trái chi. Các thứ rau, cải còn nhiều. Nuôi ngựa, lừa, bò, cừu, dê, gà vịt thả đầy đồng. Đất bằng, chỗ khô, chỗ ướt. Nhà vách đất lợp rơm có ít cái của kẻ nghèo.

Trong các làng nhỏ, thì đường đi không đồ đá, bùn, lầy, các thứ xe lút bánh. Nhà xóm cất lộn-xộn.

Trong châu-thành Bu-e-nô-e-rơ có chừng mười cái ga lớn xe lửa chạy các tỉnh. Mỗi lần chạy kết hơn mười cái va-gon.

Thuế nhập cảng, xuất cảng nơi cửa Bu-e-nô-e-rơ mỗi ngày nhà-nước A-Danh-Tin thâu hơn một triệu đồng bạc.

Người A Danh-Tinh lấy sữa thú vật làm đồ dả ngà, sừng và xương.

Cắt nghĩa chữ Buénos-ayres : Là gió tốt (Bons-airs)

Còn La Plata : Là bạc (Argent)

CHÂU-THÀNH SÃO-PAULO

Ngày 26 Juin 1929

Tàu trở lại Santos (San-tô) đậu từ ngày 22 đến 27 Juin 1929 chạy.

Trong bữa 26 Juin tôi đi chơi bên châu-thành São-Paulo.

São Paulo là một cái tỉnh của nước Dân-quốc Bê-rê-Sinh (Brésil). Chỗ chánh tỉnh châu-Thành cũng tên São-Paulo. Người E-Ba-Nho viết chữ São-Paulo có dấu ngã.

Đi xe lửa từ Sanh-Tô qua São-Paulo tám chục ngàn thước (80), hết hai giờ, ba mươi phúc. Hạng nhứt và hạng nhì mà thôi. Cứ hai giờ đồng hồ có một chiếc xe qua, một chiếc xe lại.

Đường núi luôn luôn. Không có đồng bằng, không có sông lớn.

Đi qua một cái đèo cao một ngàn thước. Xe ngã ngược, có dây đỏi sắt chuyền trong máy điện trên núi kéo xe lên qua khỏi đèo mới xong, (Câble électrique).

Núi cây nhiều xanh tốt. Hai bên đường xe lửa, vườn trồng chuối nhiều, cam, quít, lê, bom và các thứ cây trái khác. Có chổ đương khai phá. Không thấy súc vật nhiều nơi đồng nội. Đó là người Trắng làm phần nhiều, Người Đen ít. Nhà lợp ngói, kẻm, váng. Không thấy nhà rơm.

Họ ở trong khe, hóc núi.

Cách mươi lăm năm nay, châu-thành São-Paulo có bốn, năm trăm ngàn người mà thôi (4 à 500 000), nhà ít và xấu. Bây giờ dân thêm một triệu rưởi (1.500.000), có Nhựt-Bổn và Chinois. Nhà lớn, tốt đông hết sức. Châu-thành mở rộng ra ở trên những cái nổng, gò, là vì xứ núi. Nhà quan, dân ở trên chót gò cao rồi, mà còn làm thêm mười lăm, hai mươi từng lầu nữa. Vậy kể sự cao của cái nổng và của cái lầu, có cái nhà cao hơn một trăm thước. Dựa riền gò, trên chót gò, dưới hố đều đầy nhà. Xe đủ thứ chạy cùng cả. Có nhiều cái cầu sắt (Viaduc) làm ngang qua gò nầy, gò kia cho người ta và xe đi, ngó xuống thấy mấy dảy phố dưới sũng thiệt ngợp.

Nội trong mười lăm năm mà châu-thành lớn thêm hai ba phần là mau hết sức. Nhờ người các nước đến lầm nghề nghiệp, mở nhà máy đủ thứ, mở đất trồng tria.

Tục người Trắng làm nhà trong chổ quê. họ không để cây lớn che lập khuất nhà. Nên thấy nhà đỏ lòm vui quá.

Cắt nghĩa chữ São-Paulo : Là ông Thánh Saint Paul.

CHÂU-THÀNH VIC-TO-RI-A (VITORIA)

Ngày 30 Juin 1er Juillet 1929

Châu-Thành Vi-tô-ri-a (Victoria), nhỏ mà ngộ, thuộc về dân-quốc Bê rê-sinh (Brésil) có chừng ba, bốn chục

ngàn người Trắng, Đen (30 à 40.000). có chinois và Nhựt-Bổn. Người Đen đông lắm. Hết thảy ăn, mặt theo Tây. Đi chưng cỏ. — Trắng, Đen theo lệ-luật ngan vai (Egalité). Người Bút–Tu-Ga và E-Ba Nhỏ (Portugais, Espagnsols) ưng kết vợ chồng cùng người Đen.

Nhà nhỏ, một hai từng lầu mà thôi, ở trên núi hết, vì không có đất bằng nhà nghèo vách đất, lợp rơm, tranh, hoặc lá chi đó, Châu-Thành nhỏ như một cái làng.

Dinh Quan Giám-quốc, hai từng lầu, khéo và lớn hơn hết cả trong Châu Thành. Trong Nước Bê-rê-sinh, mỗi tỉnh cử riêng ông Giám-quốc tỉnh ấy. Các ông Giám-quốc tỉnh tùng quyền ông Giám-quốc-Lớn ở tại Ri-ô--đê-Da-nê ro (Rio-de-Janeiro). Buổi chiều ngày 30 Juin, châu-thành làm lễ mừng quan Giám quốc tỉnh nầy lảnh chức đặng một năm-Vài trăm linh đội nón cát-kết-bận quần-áo ka-ki, đi dầy và ghết da đen, bốn, năm ông quan cởi ngựa cao, kèn, nhạc duyệt binh, đi các đương lớn. -Tối thấp đèn sán lòa.

Có Xe-điễn chạy trên đường sắt và xe ô-tô. Không thấy xe ngựa đưa người.

Thấp đèn điễn cùng.

Tàu đậu tại vủng dửa sông vài ba chiếc, chở cà phê (café) đi bán các nước. Từ ngoài biễn vô đến châu-thành, hai bên sông núi đá hết thảy. sông rộng chừng ba trăm thước. Tàu không lên xa nửa, vì sông hẹp và cạng. Núi nhiều lắm, nên cảnh trời sanh đẹp.

Trong mấy xứ tôi đã coi rồi, thấy đủ thứ trái cây, củ như bên Đông-Pháp và bên Tây. Người Trắng, Đen đều ăn cơm, bánh mì, khoai-lang, khoai-tía- khoai-mỳ, khoai-sắng, khoai-từ, khoai-môn, bấp kê, bobo, các thứ ớt, ớt-hiễm hay bà ớt mọi, nưa, gừng, khế, sả, các thứ chuối thơm, mìt sa-kê, đào-lộn-hột các thứ dưa, bưởi, cam, quít, chanh, ổi lựu, dừa, thù đủ lớn bằng cái đầu người ta các thứ bầu, bí, xoài mùa nầy mới trổ bông. Có nho, lê, Bom, khoai, rau hành, cải bên Tây.

Các nhà hàng cơm-tây đều có bỏ ớt vào đấm và vào cá chiên.

Đó là kể sơ mấy món, kể hết không đặng.

Cắt-nghĩa chữ Victoria: là tên Bà vua A-gơ-lê.

CHÂU-THÀNH NÊU-DỚT BÊN NƯỚC ÉTATS-UNIS

Ngày 19 - 20 Juillet 1929

Neuw - york Aux Etats - Unis

Du 19 au 29 Juillet 1929

Chiếc tàu tôi đậu tại Nêu-ô-lê-an bảy ngày nên tôi đặng đi xe lữa lên Nêu-Dọt chơi.

Đường xe lữa chạy mau (Express) từ Nêu-ô-lê-an lên Nêu-Dọt là một ngàn tám trăm chín kilomètres 1809 kilomètres), hết ba-mươi-tám giờ đồng hồ (38) có một bực hạng nhứt mà thôi, mua dấy cả đi và trở về, mà không cho bớt tiền, là vì không nhầm mùa époque bớt tiền, giá là hai trăm đồng = 200$00 thuê một cái dường ngủ bốn đêm năm chục đồng 50.00 = một bữa ăn trên xe giá ba đồng 3$00 cuộc Tôi đi tốn cả xe ăn ngủ tổng cọng là ba trăm đồng 30 $00.

Mỗi cái xe vagon đều có một cái phòng riêng rữa mặt, hút thuốc. Mỗi người lau một cái khăng rồi bỏ vào dỏ, mỗi lần thì dùng khăn khác sạch luôn.

Trong xe, sự sắp đặt khác hơn bên Pha-Rang-Sa.

Lúc nầy tại xứ Etats-Unis là mùa-hạ (été) nên nóng nực.

Hai bên đường xe lửa, có chỗ thấp nước ngập, có chỗ cao, gò nổng đất đỏ lòm, không có núi cao. Có chỗ trồng trĩa, có chỗ để làm rừng cây thông, cây tùng. Trồng bắp, bông dệt vải phần nhiều, lúa mì vừa mới gặt lúa gạo, cải, rau, cây trái ăn, không thấy cây chuối. Cảnh đồng quê vui.

Không thấy sông cầu và hang (tunuels) dài hai ngàn thước. Hoặc có mà khi ban đêm không thấy. Khi gần vào Nêu-Dọt, xe chung trong hang ngan dưới lòng sông Hudson dài một ngàn rưởi thước (tunnel sous la rivière de Hudson.)

Cột giây thép và mấy tấm lót ngan dưới đường rầy (rails) đều bằng cây cả.

Mấy châu-thành lớn xe lửa đi qua có nhà lầu cao năm bảy từng. Trong mấy lang xả, nhà của người Trắng, Đen đều nhỏ thấp, bằng gạch, ngói xám, bằng gổ cả và lợp cũng bằng gổ. Màu nóc nhà xám-tro (gris cendré), ngó không vui. Không thấy nhà tranh. Tại Nêu-ô-lê-an; xe chạy ngày 17 Juillet khi năm giờ chiều.

Tôi đến Nêu-Dót ngày 19 Juillet, khi tám giờ mai Tới. nhà ga tên Pennsylvania. Trên xe lửa bước xuống đất tôi không biết đi ngỏ nào, vì nhiều ngỏ đi có thấp đèn điện, nhờ họ dắc tôi leo hai ba cái thang, rồi lên đến một chỗ rộng lắm có thiên hạ đông lo việc đi xe lửa. Cái nhà khéo, lợp gương thấy trời. Tôi đứng sửng sốt, không biết đi ngỏ nào, vì bốn phía có bốn ngỏ lớn; phải leo thang nữa. Họ dắc tôi leo thang, rồi ra cửa đến đường cái thiên hạ, xe ô-tô biết bao nhiêu mà kể. Tôi tưởng tôi dưới âm-phủ mới vượt lên Dương - Đang! Tôi xin cắt nghĩa sơ:

Xe lửa chạy vào nhà Ga Pennsylvania trong châu-thành phải chung dưới đất, bởi vì không chỗ trống mà chạy trên mặt đất vào thành-phố. Nên phải leo mấy từng rồi mới ra đường cái đặng. Ở dưới mấy từng đều có nhà

dấy làm việc, quản bản vật nầy vật kia. Bất kỳ ai mới đến lần đầu không biết phải hỏi thăm mới khỏi lạc. Khi tôi lên đường cái thấy mặt trời, mới hay khi nẩy ở dưới cái hầm (caves).

Còn ai muốn đi xe điền dưới đất (métropolitains) thì cứ đi theo đường dưới hầm (sonterrains) lại ga gần một bên.

Lên trên mặt đất rồi tôi đi coi chung quanh bốn mặt nhà ga khéo, cao vài chục thước khác ga Paris, vì ga Paris có một mặt ra vào mà thôi une seule facade). Bốn phía có đường cái phân biệt phố nhà buôn bán.

Nhà Giây-thép-chánh (La Poste centrale) ngó qua một mặt nhà Ga. Lớn, khéo. cao vài chục thước. Mấy chỗ làm việc (guichets) có rào song đồng-thau. Thấy ít đờn bà làm việc. Thiên hạ tới không bao nhiêu, vì nhiều nhà giây-thép nhánh trong châu-thành.

Phòng ngủ, mỗi đêm từ ba đồng đến mười lăm đồng bạc. Tôi thuê phòng gần nhà Ga, bốn đồng bạc-một đêm. Mỗi món ăn từ bốn cắt sấp lên. Một chén ca-phê, sửa, một cắt bạc, mỗi chai limonat một cắt, bạc đông-Pháp.

Mấy năm nay, nhà nước cấm buôn-bán các thứ rượu say. Bây giờ ăn cơm, uống nước lạnh, hay là sữa.

Mỗi ngày tiêu xài tại Nêu-Dót tám đồng bạc vừa.

Trong hai ngày 19 và 20 Juillet tôi đi chơi cùng. Mà thế nào khắp hết đặng.

Nước Etats-Unis là Dân-quốc An-Gơ-lê, mà không theo nước An-Gơ-lê bên Tây-chia làm bốn mươi tám tỉnh (48), dân một trăm hai chục triệu (120.000.000. Trong số đó có ba chục triệu người Đen (30.000.000 nègres). Kinh đô là châu-Thành washington là nơi quan Giám-quốc ở và các Bộ làm việc. Dân kinh-đô có năm trăm ngàn người (500.000). Đi xe lửa năm, sáu giờ đến Nêu-Dót.

Châu-thành nêu-Dót là nơi buôn-bán lớn hơn hết trong nước. Dân có bảy triệu người (7ooo.ooo) đông hơn hai phần dân Paris. Còn sự buôn bán đứng hạng nhì trong Bầu-Trời, nhượng châu-thành Lon-đon (Londres) bên nước An-Gơ-lê bực nhứt.

Dân da Trắng, Đen làm ăn, ở, ngồi lộn lạo nhau.

Tôi đi dạo chưng, xe-ô-tô, xe điển trên trời tramways aériens ou élévateds), xe điển trên mặt đất, xe điển dưới Âm-phủ (métropolitain). Cả thảy xe điển đó, giá một cắt bạc một người, bất kỳ đi xa gần.

Tôi đi các nước rồi, chỉ thấy tại Nêu-Dót có xe điển đi trên trời thôi. Xe đó chạy trên cầu (viaducs) luôn trên nhiều cái đường trong châu-thành. Hai bên đường nhà ở, phố-phường, trên đường làm cầu sắt cao chừng năm, mười thước cho xe điển chạy cùng đường mà không xuống đất. Mấy nhà Ga cũng ở trên cầu, có thang lên, xuống. Cấm không ai đặng đi bộ trên cầu. Đường dài mấy chục ngàn thước, cầu phải dài bằng đường ấy. Có chỗ quanh, quẹo, tránh, sang qua cầu nầy, cầu kia. Dưới cầu thì đường cái trên mặt đất thiên hạ đi bộ, xe ô-tô, xe điển chạy. Dưới Âm-phủ lại có xe điển métropolitain. Xe trên-trời thiệt lạ, nhưng mà nó che bớt sự tốt phố-nhà và cảng gió thông.

Có nhiều nhà Ga xe lửa. Nhưng mà Ga Pennsylvania và Grand central Terminus lớn và đẹp hơn cả.

Nhà quan, nhà dân, phố-phường có cái cao ba, bốn chục từng là cùng, kể cả bề cao mấy cái tháp (tours) nhà đó rồi. Người ta nói không có cao hơn nữa. Còn thấp là bốn, năm thước. Có thứ kiểu đẹp, có cái kiểu không đẹp. Cột trụ giây thép điển làm bằng sắt và cây gỗ to cao, khó coi.

Ở ngang nhà ga Penusylvania, có một cái nhà ngủ trùng tên Pennsylvania có hai ngàn hai trăm cái phòng (2.2oo).

Tại Chicago, có cái nhà ngủ tên Hôtel Stevens có ba ngàn cái phòng và mỗi phòng có phòng tắm (3.000).

Hạng nhứt trong thế-dang!

Các đường đi rộng từ bốn năm thước lên ba bốn chục thước. Trét dầu hắt, lót đá miếng, gỗ miếng, đá nhỏ, có đường lũng-lỗ.

Việc buôn-bán hàng-hóa giống nhau các xứ của người Trắng. Món nào làm tại xứ, thì giá rẽ. Dân đông, nhà nhiều buôn-bán lớn, thiên hạ qua lại nhộn-nhàn cả ngày đêm. Dân dồi bày nghề-nghiệp mới luôn, giàu lớn vang-trời. Song người da Đen không giỏi và giàu bằng người da Trắng, là vì họ không ưng làm công chuyện lớn và tánh không để dành tiền.

Dân Chinois mấy vạn, làm ăn đủ nghề-nghiệp, buôn-bán đồ Tàu, đồ Tây, cơm Tây, cơm Tàu, tiệm thuốc Bắc, heo, gà, vịt quay, thuê phố năm, bảy chục đồng một tháng, bản treo hiệu chữ Tàu, chữ An-Gơ-lê. Đem rau-muống, trái khổ-qua bên tàu qua đây trồng bán. Ở nhiều nẻo đường đã mấy đời rồi.

Sự đẹp chung trong châu-thành có lẽ kém hơn Paris. Nhà Paris thấp hơn, mà cao đều bằng nhau và một kiểu với nhau trong một ngã đường, lại có nhiều đường rộng, chỗ trống rộng tốt lắm (Places)

Tại Nêu-Dót, không thấy mấy chỗ khéo như bên Paris là : Place de la concorde, Place des Tuileries, Avenue des champs Elysées, Avenue de l'Ecole. Militaire. Tôi có hỏi dân Nêu-Dót họ nói thiệt không có chỗ nào tốt bằng mấy chỗ đó.

Một cái musée trử đồ xưa (musée d'arts), một cái trử đồ trời sanh (musée d'histoire naturelle); hai cái nhập lại, kể sự lớn và số đồ trử, thì còn thua một cái musée Le Louvre ở Paris là vì cái musée Le Louvre ở Paris là cái đền

củ của vua, lại có đồ của mấy đời vua Pha-Rang-sa và đồ nước khác để đó. Chớ nước Etats Unis thuở nay không vua chúa nên ít đồ xưa trong nước họ.

Cái vườn Bách-Thú đủ và nhiều thú vật trong nước và các nước khác đem lại. Có hai con Tê-U Rhinocéros lớn hơn con trâu nhà, mà thấp mỗi cẳng ba móng, Một con đực ở A-Phi cớ (Afrique) có hai sừng thắp, da ít sằng sượng. Một con cái ở xứ A-si-a (Asie), không sừng, da sần-sượng nhiều. Cái mình và chưng hai con giống trâu-nước lắm (hippopotames). Thuở nay tôi mới gặp hai con sống lần đầu.

Châu-thành có một cái cù-lao tên Brooklin dận ở hai triệu (2000.000) đã kể vào số bảy triệu dân Nêu-Dột. Có ba bốn cái cầu qua lại Nêu-Dót. Tôi không đi đến đó, vì không chi lạ.

Vũng tàu trời sanh rộng lắm, không núi, không cù-lao. Tàu lớn đậu sát trong bờ hơn hai trăm chiếc. Lấy sự tàu nhiều thì đứng hạng nhì trong Bầu-trời, còn vũng tàu Lon-Đon bên An-gơ-lệ đứng hạng nhứt.

Ý riêng tôi lấy sự đẹp trời sanh, thì có lẽ đứng sau vũng Marseille, Sanh-Ga-Bộ, Kobé, Yokohama (Japon) Rio-đê-Ga-nê-rọ (Rio-de-Janéiro au Brésil).

Có người dận Nêu-Dót đã qua Paris, Londres, Berlin, là kinh-đô Pha-Rang-sa, An-Gơ-lệ và A-lê-măng, nói rằng mấy khoản tôi sánh-đối là trúng lắm. Họ lại khen rằng Paris đẹp hạng nhứt dưới Thế-Dan, unique Paradis terrestre.

Tôi là người An-nam đi qua đường vài, ngày mà dám xét các đều ấy, xin chịu lỗi cùng nước Etats-Unis.

Tại Nêu-Dót, trong ngày 19 và 20 Juillet, tôi tưởng có một mình tôi là An-nam đi dạo-chơi vòng tròn trái đất (Touriste autour du monde). Đội nón nỉ xám, áo tây nỉ xám quần tây vải sọc rằng, dày vàn, tay cầm dù đen và áo mưa

cao-xu, đi bơ-vơ, không xin ai gởi gắm trước. Nhưng may gặp người Trắng. Đen có lòng thương người lạ (Etrangers) giúp chỉ, dắc tôi đi chỗ kia, chỗ nọ toàn-vẹn cũng như các nơi tôi đã đi qua rồi. Ơn trọng đó tôi chẳng hề quên.

À tại sao đặt tên Phương-Thế-dới-mới (Nouveau continent) là tên A-mê-rít-cơ (Amérique)? Là lấy tên của một ông I-ta-liên (Italien) tên là Amérigo Vespucci. Cách bốn trăm năm nay, ông có tài về nghề đi sang các biển lớn (Grand Navigateur). Ông có qua bên xứ nầy, nên lấy tên Amérigo làm ra Amérique đặng để nhớ ông luôn luôn.

Người Chinois kêu Hoa-Kỳ hay là Mỹ-Quốc. Là trong chữ A-mê-ri-cơ họ lấy chữ "A" làm Hoa, chữ Cơ làm Kỳ; họ bỏ hai chữ dữa Mê-ri. Họ lại đặt tên là Mỹ-quốc. Là lấy chữ Mê làm ra Mỹ, chữ Cơ làm ra Quốc. Ấy là theo vận đọc.

Còn mình người An-Nam, nên kêu A-mê-rít-cơ là trúng dọng đọc chữ Amérique.

Người A-mê-ri-can (Américains) là dân Etats-Unis, có tài dời nhà đá, gạch, lầu cao vài chục thước đi chỗ khác mà còn y nguy.

Mấy ông Bát-vật chuyên về nghề đó, (Ingénieurs spécialistes) đào chưng móng nhà, kê máy, đường sắt (rails dưới, rồi kéo lần lần đi mỗi ngày một hai thước mà thôi. Khi đủa tới chỗ mới rồi, không hư nứt chút nào.

Việc nầy khi tôi còn ở nhà, đã thấy nhựt-trình nói rồi. Nay đến Nêu-Dót (new-york) hỏi thăm, thiệt quả có.

Các nước khác có làm được không?

Tên Nêu-Dót là: Nêu là mới Dót là tên một ông An-Gơ-lê Sang trọng (noble). Nghĩa là cái châu-thành mới của ông Dót.

NÊU-Ô-LÊ-AN (ÉTATS-UNIS-A-MÊ-RÍT BẮC)

Ngày 16 au 24 Juillet 1929



New-Orléans (Etats-Unis dans l'Amérique du Nord)

Du 16-24 Juillet 1929

Tàu chạy tại Vi-to-ri-a (Victoria, Brésil) ngày 1er Juillet, lên đến Nêu-ô-lê-an ngày 16 Juillet.

Khi ba giờ chiều ngày 15 Juillet, vô vàm sông Missis-sipi. Sông nầy có năm cái vàm. Từ ngoài biển vô đến đất không núi, trống bộc; hai bên bờ có cây, cỏ nhiều. Không nhà dân ở, vì đất thấp, ngập không làm chi đặng. Có các sở của nhà nước để canh-gát và cho Bi-lốt (Pilotes) ở.

Bảy giờ tối phải đậu tại sở xét bịnh truyền-nhiễm (Lazaret)

Sáng ngày 16 Juillet, mấy người thuộc dưới tàu và bộ-hành đều lện trên mấy cái nhà Lazaret. Đem đồ ăn lên đó mà ăn. Quan Thầy-Thuốc cho người đem mấy trăm cái ống hơi (gaz) xuống tàu xong cùng cả. (Fu-migations). Ống hơi mua của nước A-lơ-mang (Alle-magne). Việc xông nầy phí tổn mấy trăm, mấy ngàn đồng bạc, thì hảng tàu phải chịu trả hết.

Tàu nào ở xứ có bịnh-truyền (Epidémie) đến đây thì phải chịu phép xông như vậy (fumigations). Chiếc tàu Nhựt-Bổn nầy tháng trước có ghé xứ Ri-ô-đè-gia-Nê-rô là nơi có nịnh thương-hàng-vàng hay truyền-nhiễm, nên phải theo phép buộc đó (La quarantaine). Dầu dưới tàu không ai đau cũng không tránh đặng. Trừ tàu không có ghé nơi không có bịnh truyền-nhiễm mà thôi.

Nơi nầy, hai bên mé sông buội, rừng, cây lau, lách, sậy, nước ngập. Đất đều có chủ cả là nhà giàu bạc triệu (millionnaires) họ ở các nơi xa lắm. Bỏ không trồng trỉa chi đặng. Chỗ nào có vũng nước nhiều, có con sấu, họ bắt lấy da bán mười đồng bạc một tấm. Có heo rừng, chim, cò, le-le, vịt, ngỗng rừng, thỏ chồn quyền chủ đất được săng, bắt mà thôi.

Mấy anh Nhựt-bổn vào rừng một chập bắt tay đặng một chục con thỏ lớn.

Xông tàu rồi khi ba giờ chiều. Sáu giờ tàu chạy lên châu-thành xa một trăm ba chục ngàn thước (130 kilomètres).

Hai bên bờ sông không núi. Sông Mississipi rộng hết sức ba, bốn trăm thước như sông Sài-gòn.

Ngày 17 Juillet, năm sáu giờ sáng đến cập bờ Châu-Thành Nêu-ô-lê-an (New-orléans). Vậy thì từ biển vô đây có gần hai trăm ngàn thước (200 kilomètres) tàu chạy lải rải mười giờ đồng hồ mới đến.

Nêu-ô-lê-an của dân quốc Etats-Unis (République des Etats-Unis. Cách vài trăm năm nay, người Pha-Rang-Sa đến ở đây nhiều. Bây giờ nhiều nhà (familles) nói tiếng Pha-Rang-Sa. Dân châu-thành có năm trăm ngàn người (500.000) người Trắng, Đen. Trong số đó có một trăm ngàn (100.000) Đen, vài ngàn Chinois và Nhựt-Bổn. Trắng, Đen, quần, áo, ăn uống, nhà ở như nhau, theo một mặt luật. Nhưng mà mỗi tỉnh có quyền làm điều lệ-riêng.

Ví như tại Nêu-ô-lê-an, người Trắng không đặng lấy vợ chồng với người Đen. Tiền làm công cao hơn người Đen, Xe ô-tô của người Trắng đưa thuê thì người Đen không đặng đi ; xe điện thì người Trắng ngồi chung với Trắng. Trong các rạp hát và nơi đông, thì Trắng ngồi theo Trắng, Đen ngồi theo Đen. Người Đen được cử người Trắng làm Giám-quốc và xã-trưởng (Maires), mà không đặng cử người Đen làm hai chức ấy và cũng không đặng xin người ta cử mình. Còn sự giúp việc

của Nhà-nước và trong dân-xã, thì người Đen đặng giúp người Trắng. Nhưng mà trong toàn nước Etats-Unis, người Đen làm quan văn, võ không đặng chức cao bằng người Trắng.

Còn các tỉnh khác lại cho phép Trắng. Đen chung cùng nhau và lương tiền làm công một bực, lấy vợ chồng cùng nhau

Toàn trong nước Etat-Unis, người làm việc nặng nề (cu-ly-Portes Faix) mỗi ngày tiền công mười đồng bạc Đông-Pháp (cinq dollars américains). Vì vậy nên nhà nước bày nhiều đều khó lòng cho người Chinois và Nhựt-Bổn đừng đến tranh-dành nghề làm ăn tiền rẽ của người xứ États-Unis. Người da Vàng mới đến phải nạp cho nhà nước một ngàn đồng bạc (1.000$00) rồi mới đặng ở làm ăn. Nước Nhựt-Bổn và Trung-Hoa xin bải lệ đó mà không đặng.

Phần tôi là dân Pha-Rang-Sa và đi chơi nên khỏi đóng số bạc đó gọi là bạc thế chưng (Caution)

Người Đen đờn ông, đờn bà cao, lớn, mạnh mẽ hơn người Trắng. Nhiều người cao gần hai thước. Gốc họ ở bên xứ A-Phi-Cơ (Afrique) đời xưa người Trắng đem qua hai xứ A-mê-rít (les deux Amériques) làm ăn. Bây giờ họ bỏ tiếng Mẹ (Langue maternelle) nói toàn tiếng An-gơ-lê, vì người Etats-Unis gốc An-gơ-lê. (Anglais)

Không có đờn bà làm cu-ly.

Châu-thành nhà ở hai bên mé sông. Chánh chỗ châu-thành về bên mé sông tay trái. Vài cái nhà cao hơn mười từng là cùng. Nhà thấp hết sức chừng ba bốn thước. Nhà đều có cửa lưới sắt (toile métallique) vì con muỗi nhiều.

Có một cái đường phố buôn bán tố hạng nhứt tên Rue du Canal. Rộng bá chục thước, dài sáu, bảy trăm thước. Phố cái cao quá. cái thấp quá, coi không khéo. Mấy cây trụ giây thép, điền bằng sắt và bằng cây gồ to, cao làm mất sự khéo. Các đường khác toàn trụ gồ mà thôi.

Có vài cái boulevards dài, rộng, trồng cây và nhà ở hai bên tốt.

Những đường đi có trét dầu hắc, lót đá miếng, cây miếng, đá nhỏ; nhiều cái đường dề đất không mà thôi.

Xóm buôn bán và ở sạch có, dơ có.

Xe điển chạy trên đường sắt và xe ô-tô đưa khách. Xe ô-tô, xe ngựa, lừa chở đồ. Nhiều người đờn bà Trắng, Đen cầm lái xe ô-tô đưa khách (chauffeuses d'autos publiques). Giá xe điển mỗi người một cắt, xe ô-tô hai cắt, vì xe ô-tô chạy mau hơn xe điển.

Nước Etats-Unis làm xe ô-tô nhiều, bán rẻ. Nên người bán bánh, kẹo, ca-rem (crême) chở bằng xe ô-tô bán dạo cùng xóm.

Tàu đi các xứ đận tại bến mỗi ngày sáu chục chiếc; không kể tàu nhỏ. Ở đây tàu chở nhiều bông vải lấy hột rồi (coton égrené) đem bán các xứ.

Cắt nghĩa chữ New-Orléan: Là tên một Châu-Thành bên nước Pha-Rang-Sa.

CHÂU-THÀNH GA-VÊ-TON

ngày 26-27 Juillet 1929

Galveston, (Etats-Unis).

26-27 Juillet 1929.

Tàu tới Ga-vê-Ton ngày 26 juillet. Vậy từ Nêu-ô-lê-an xuống đây hai ngày.

Ga-vê-Ton (Galveston) là châu-thành ở dựa biển Atlantique, đất bằng, thuộc nước Etats-Unis. Số dân sáu chục ba ngàn người Trắng và Đen (63.000). Nhà quan, dân thấp, nhỏ, kiểu tầm thường, có một đôi cái cao vài ba từng lầu. Nhà toàn gạch, ngoài và toàn cây, váng gỗ. Sở

Giây-Thép nhỏ mà khéo. Nhiều đường đi chưa đồ đá. Có xe ô-tô, xe điển, không xe ngựa đưa khách. Ở đây người nghèo dùng xe đạp, bicyclette, nhiều hơn các châu-thành tôi đã viến rồi.

Các phố có hàng ba rộng đi khỏi nắng, mưa. Buôn bán tầm thường. Bông vải lấy hột rồi và Sanh (soufre) chở tàu bán các nước nhiều lắm.

Mỗi ngày vài chục chiếc tàu đậu nơi vủng.

Sự khéo đẹp Ga-vê-Ton thua Sài-gòn nhiều.

Bên nước Pha-Rang-Sa và các nước tôi đã đến rồi không làm nhà gả xe điển cho hành-khách đứng chực. Cứ đứng dữa đường đợi xe đến, nhảy lên, có ít nước làm nhà ga xe điển vì đường hẹp và sợ án-hết phố-phường.

Nghĩa tên châu-thành Ga-vê-Ton =

Ga-vê là tên ông quan sáu E-Ba-Nho. Ton là châu-thành. Nghĩa là châu-thành của ông Ga-vê.

CHÂU-THÀNH CƠ-RI-TÔ-BAN

ngày 1-2 Août 1929.

Cristobal (République de Panama)

1-2 Août 1929.

Đến Cơ-ri-tô-ban ngày 1er Août. Vậy từ Ga-vê-Ton xuống đây năm ngày.

Cơ-ri-tô-ban (Cristobal) hay là Cô-lon (colon) là một châu-thành ở mé biển Atlantique, nơi vàm kinh Panama. Núi xanh nhiều có dừa cây xoài, cảnh đẹp, thuộc về dân-quốc Pa-na-ma (République de Panama) của người E-Ba-Nho (Espagnols). Số dân châu-thành Ba chục ngàn Trắng, Đen (30.000. Số dân Chinois đông, buôn-bán đồ tây lớn, làm đủ nghề. Mỗi người có nạp một ngàn đồng bạc Đông-Pháp cho nhà-nước rồi ở làm ăn. Có ba chục người

Chinois theo tàu nầy về xứ, ba người đi hạng nhứt, mỗi người năm trăm đồng bạc về tới Kobé, hai mươi bảy người (27) đi hạng ba mỗi người một trăm rưỡi đồng bạc về tới Kobé.

Nhà quan, dân, phố nhỏ, gạch, ngói, cây váng gỗ, kiểu tầm thường. Đường có trét dầu hắc, xe ô-tô, xe ngựa đưa khách. Không xe điển. Đi bộ vòng châu-thành một giờ cùng, vật hạng xứ khác đem lại bán mắt xấp năm, bảy giá tại gốc. Thuốc nha-phiến (opium) một lượng gần một trăm bạc.

Trong ngày 10-18 juin 1929 tàu đậu tại Bu-ê-nô-sề Bunos-Aires-Argentine) có chở mấy ngàn con cừu làm thịt rồi để nguyên con lột da bao vải, và mấy ngàn con bò làm thịt rồi sả hai bao vải đem vào phòng lạnh (chambres frigorifiques). Đã hơn một tháng rưỡi rồi, nay đến đây đem lên bờ còn tươi xanh !

Tàu đậu tại vủng mỗi ngày mười chiếc.

Lấy tên ông Cristophe Colomb đặt tên châu thành Cristobal.

CHÂU-THÀNH BALBOA hay là PANAMA

2-Août 1929

Đầu kinh Ba-na-Ma, kế bên mé biển Pacifique, có một châu thành tên Balboa hay là Ba-na-ma, thuộc dân quốc Panama của người E-Ba-Nho. Dân châu thành sáu vạn (60.000) Trắng, Đen. Có Chinois nhiều.

Nhà đông. Tàu tại vũng chừng bốn năm chiếc.

Tàu tôi chạy qua, không ghé, mà thấy rõ ràng.

Balboa là tên ông E-Ba-Nho đi biển (navigateur)

KINH BA-NA-MA (CANAL DE PANAMA)

2 Août 1929

Dưới thế-gian, người ta đào hai cái kinh dài là: Suez và Ba-na-ma.

Trong sách tôi sang Pha-Rang-Sa, đã kể chuyện kinh Suez rồi. Nay xin dẫn tắc kinh Ba-na-ma, xứ nầy thuộc dân-quốc Ba-na-ma của người E Ba-Nho (Espagnols)

Ông Ferdinand de Lesseps, người Pha-Rang-Sa, đã đào kinh Suez xong rồi. Ông lại lập hội đào kinh Ba-na-ma.

Hai hội Pha-Rang-Sa (deux cies Fses) lập trong năm 1880-1894 và 1894-1904.

Ngày 1er janvier 1880, hội làm lễ mừng lập hội được

Ngày 20 janvier 1882, khởi công đào.

Janvier 1893, ông Ferdinand de Lesseps và con trai ông tên Charles de Lesseps bị tòa án Paris làm án mỗi người năm năm (5 ans) tù, vì bị cáo tiêu bậy tiền hội, Tòa chống án phá án của người con; phần ông, tòa án làm lơ, vì tuổi cao, thân yếu, trí lẫn.

Décembre 1893, ông Ferdinand de Lesseps qua đời, đặng tám mươi tám tuổi (88 ans).

Năm 1901 người Pha-Rang-Sa thôi đào, vì hết tiền.

Bởi vậy, dân A-mé-cans (Américains) là dân Etats-Unis, lo liệu đào tiếp theo.

Ngày 28 juin 1902, quan Giám-quốc Etats-Unis ký chỉ-dụ cho làm kinh Ba-na-ma. Chỉ dụ ấy ra trước hai năm người Pha-Rang-Sa ngừng công.

Ngày 22 Mars 1904, hội-đồng đào kinh nhóm commission du canal).

Ngày 4 Mai 1904, người A-mé-ri-can khởi sự đào.

Ngày 1er juin 1904 ông Wallace là người A-mé-ri-can lảnh chức Bát-Vật làm chủ (Ingénieur en chef)

Ngày 1er janvier 1915, đào rồi, cho tàu chạy.

Vậy người A-mé-ri-can làm mười một năm xong (11 ans).

Tốn phí tính theo bạc A-mé-ri-can, mỗi đồng (bằng hai bạc Đông-Pháp).

Người Pha-Rang-Sa đào, rồi bỏ, thì tốn hết bạc A-mé-ri-can, hai trăm sáu chục triệu : $260.000.000.00

Người A-mé-ri-can đào xong tốn ba-trăm-bảy mươi lăm triệu. 375.000.000.00

Phải mua lại cái quyền đào của hội Pha-Rang-Sa, bốn chục triệu. . : . : : : 40.000.000.00

Phải mua lại cái quyền đào của nước Ba-na-ma, mười triệu. . . . . . ; . . 10.000.000.00

Từ năm 1913 sắp về sau luôn luôn, người A-mé-ri-can phải nộp cho nước Ba-na-ma mỗi năm một số bạc đồng hai trăm năm chục ngàn. . , . . ; . . . . . : 250.000.00

Cái kinh bây giờ thuộc về nước Etats Unis. Cho nên tàu mỗi lần đi qua kinh phải đóng thuế cho người A-mé-ri-can, tùy lớn, nhỏ. Tàu buôn đóng mắc hơn tàu binh và tàu nhà nước. Chiếu theo số chở mạnh mấy ton (mỗi ton nặng một ngàn cân tây);

Chiếc tàu Nhựt Bổn La Plata Maru chuyến nầy phải đóng mười lăm ngàn đồng bạc Đông-Pháp. . : 15.000$00

Mỗi ngày, chừng sáu, bảy chiếc tàu đi qua; còn đi lại cũng số đó là cùng. Chiếc vô trước cứ đi trước, chiếc vô sau phải theo sau, không đặng tranh đi trước. Mỗi chiếc có Bi-Lốt dẫn đường.

Ban ngày, tàu đặng phép vào hai đầu kinh. Ban đêm không đặng phép vào, mà đặng phép ra, vì vào khi xế, thì phải ra cửa bên kia ban đêm. Hai đầu kinh giáp biển liền, chạy tám giờ đồng hồ hết kinh.

Kinh dài tám chục ngàn thước, , , , , 80 kilomètres
Rộng hết sức; ba trăm thước, , , , , , , 300 mètres
Bề rộng nhỏ hết sức, một trăm thước, , 100 mètres
Địa phận thuộc về kinh, mỗi bên xa ra mười ngàn thước, , , , , , , , , , , , , , , , 10 kilomètres

Chỗ nào kinh đi ngan qua mấy cái vũng nước trời sanh trong ngọt, (Lacs) thì bề ngan cái kinh rộng nhiều, không kể. Trọng mấy chỗ đào mà thôi.

Trong kinh có làm sáu cái học-đôi ngăn nước (écluses jumelles), thành mười hai cái chiếc (12), bằng đá, xi-xăng, cữa sắt, cho thường đũ nước sâu tàu chạy mới đặng.

Bề dài mỗi hộc, ba trăm ba thước, , , , , 303 thước

Bề ngan mỗi hộc, ba chục ba thước, , , , 33 id

Bề sâu mỗi hộc, hai chục năm thước, , , 25 id

Hộc làm tại nơi nầy :

Bên đầu kinh tên Gatun về phía biển Atlantique, ba cái đôi, thành sáu cái 6 cái. Chính dữa kinh chỗ Pédro-Muguel, một cái đôi thành 2. Bên đầu kinh tên Miroflare, về phía biển Pacifique, hai cái đôi, thành bốn 4 cái.

Hộc đôi cả, là một bên để tàu đi qua, một bên để tàu đi lại. Thường có một chiếc qua vừa đến hộc, và có một chiếc khác đi lại cũng vừa đến hộc. Nên phải làm hộc kế nhau (écluses jumelles), cho mỗi chiếc vào hộc rồi, ra hộc chạy luôn khỏi tránh đợi nhau.

Khó cắt nghĩa những cái lắt léo trong mấy cái hộc. Tài vô cùng về sự gầy dựng nó ra, xin dẫn sơ, chớ dẫn hết, thì mấy trăm tờ giấy cho vừa.

Có nhiều cái đập xi măng làm riêng chỗ khác để tháo nước trong kinh ra bớt, khi nào nước nhiều quá sợ nó tống kinh bể, còn mấy cái hộc tàu vô là riêng cho tàu.

Vậy sáu cái hộc đôi kể đó thường có nước đầy luôn và đóng cữa cầm nước. Có máy điện cho nước ngoài kinh vào hộc. Nước vô, ra, thì chung dưới đáy hộc, không phải vô, ra cữa, vì sợ nó tống mạnh hư hại.

Tàu đến hộc, ngừng lại. Trong hộc phải cho mặt nước ngan cho tàu đậu, rồi mở cữa tàu vào. Cứ vậy mà làm chỗ tàu vào, ra mỗi hộc. Hai bên hộc, bờ đá, xi măng, mỗi bên ba chiếc xe máy điền (locomotives à moteur)

bánh xe sắt trơn chạy trên đường sắt trơn, lại có bánh xe răng cưu chạy trên đường sắt răng cưa roues ordinaires sur rails ordinaires, roues dentelées sur rails dentelés) cả sáu chiếc cột giây sắt kéo tàu đi chậm như người đi và giữ tàu ngay dữa hộc khỏi đụng vào vách hộc. Bánh xe răng cưa đi cho khỏi trợt thối luôi.

Cọng bề dài sáu cái hộc chiếc là một ngàn tám trăm mười tám thước (1.818 mètres)i còn bao nhiêu tàu chạy trong kinh thường.

Mấy cái hộc dống như hộc các sông bên Tây và mấy cái hộc sửa tàu Saigon (kêu là Ụ).

Kinh Ba-na-ma đẹp quá. Tôi muốn qua lại đôi, ba lượt mới phỉ, vì có núi xanh, rừng xanh, làng xã hai bên, xe lửa, xe ô-tô chạy một bên mé kinh. Tàu chạy chen, quanh, quẹo trong kẹt núi, kẹt rừng, mát mẻ.

Đường kinh không ngay thẳng, tại phải tránh núi nhiều. Gặp núi đá cứng, cao một trăm thước không tránh đặng phải xẻ hai, Lại phải chiều theo chỗ có hồ nước trời sanh (lacs naturels) đặng bớt công đào.

Cái kinh Suez ngay thẳng, hai bên toàn cát, trống trải, không núi, không rừng, không nhà, nóng nựt. Buồn, thì cái cảnh trái với kinh Ba-na-ma lắm. Còn sự bề dài, hai cái kinh gần bằng nhau. Trong kinh Ba-na-ma có mấy vạn con chim Nhà-bè xám, nhỏ hơn chim Nhà-bè trắng Đông-Pháp. (Pélicans)

CHÂU-THÀNH LÔ-AN-DÊ-LÊ.

Ngày 11 – 14 Août 1929.

Los-Angeles (Etats-Unis).

11 – 14 Août 1929.

Ngày 11 Août 1929, khi một giờ xế, tàu cập bờ châu-thành Lô-An-Dê-Lê gần biển. Vậy từ Pa-na-ma lại đây mười một ngày.

Tên Los-Angeles là tiếng E-Ba-Nho, nghĩa các Vị Thiên-Thần. Châu-thành của Dân-Quốc Etats-Unis. Dân có một triệu rưởi (1.500.000) người Trắng, Đen. Có mấy vạn Nhựt-Bổn và Chinois. Chánh rủng châu-thành ở xa biển bốn chục ngàn thước, xe điển chạy bốn mươi lăm phút, giá chính cắt bạc. Nửa giờ, một chiến vô ra. Đất bằng trồng, trỉa, nuôi thú vật. Nhà quan, dân, phố khéo, có cái cao hơn mười từng. Buôn-bán, làm ăn lớn, vì dân đông.

Có Ba-lon (Ballons) thả lên trời, giây dưới đất niếu đứng một chổ. Dưới Ba-lon, treo một cái bản bằng thứ chi nhẹ, viếc chữ rao buôn-bán, hoặc làm việc chi.

Xứ nầy có hơn một ngàn cái mạch dầu lửa, tìm đặng mươi lăm năm nay. Những sở máy làm dầu đông kể không xiết. Nhiều chiếc tàu chở toàn dầu đi bán xứ khác.

Kế bên cửa biển, có một châu-thành nhỏ tên San-Pedro, nghĩa là của ông thánh St Pierre, ấy là tiếng E-Ba-Nho. Dân hơn một vạn (10.000) Trắng, Đen, Nhựt-Bổn và Các-chú. Nhà thấp, vài ba từng lầu, ở trên gò-nổng, núi châu-thành thuộc Etats-Unis.

Cách mười ngàn thước, có một châu-thành tên Long Béach, theo tiếng An-gơ-Lê nghĩa là cái Bải-Dài, vì nó ở dọc biển. Dân hai trăm ngàn (200.000) Trắng, Đen, Nhựt-Bổn và Các-chú. Có vài ba cái nhà cao mười từng. Còn bao nhiêu thấp, nhỏ. Thuộc của Etats-Unis. Có thả Ba-lon treo bản rao như nơi Lô-An-Dê-Lê.

Bến tàu châu-thành Lô-An-Dê-Lê trong sông, gần biển chứa mỗi ngày gần một trăm chiếc tàu. Toàn người Trắng làm thuê khiên chở đồ lên xuống tàu, tiền công một ngày hơn mười đồng bạc. Không cho người Đen làm. Ấy là theo tục xứ (Coutumes locales).

Trong ba châu-thành nầy về sự buôn-bán, xe, sạch-sẽ đều giống như các chổ người Trắng ở. Kể riêng mất ngày giờ. Kể sự lạ đáng hơn.

Chổ nầy, Nhà-Nước nghiêm về sự người Ngoại Quốc, vì nghi đến làm đều hại.

Tàu tôi cập bờ ngày 11 Août, khi một giờ xế Quan sở Tân-Đáo xuống xét Bát-Bô khi hai giờ rưởi, cho phép những người Trắng lên bờ liền. Còn tôi và hết thảy người Da-Vàng (Jaunes) bị cầm lại dưới tàu. Qua ngày 12 Août, khi mười hai giờ mười lăm phút, tôi và một người Nhựt-Bổn, ba người Các-chú là người Vàng đi tàu hạng nhứt được phép đi dạo phố. Còn mấy trăm người da Vàng là Nhựt-Bồn, Các-chú đi hạng ba không đặng lìa tàu trong bốn ngày đậu tại vũng. Mấy người làm việc dưới tàu cũng phải có dấy phép mới đặng lên đất.

Lúc mười giờ sớm mai, ngày 13 Août, tôi đến thăm Quan Chánh-Lảnh-Sự Pha-Rang-Sa (Consul général). Ngài có lòng thảo mời tôi ăn cơm với Ngài. Nhưng mà tôi không dám nhận. Tôi mặc đồ An-Nam, nói chuyện xong rồi tôi đưa cho Ngài một cái tờ kể sự Sở Tân-Đáo làm ngặt. Ngài nói sẽ gởi về Quan-Chánh-Sứ Pha-Rang-Sa ở tại Washington là Kinh-đô nước Etats-Unis, (Ambassadeur de France à Washington) đặng cho Ngài liệu xét nghĩ. Cái tờ tôi viết như vầy :

« Los-Angeles, ngày 13 Aout 1929

« Cùng Quan Chánh-Lảnh-Sự Pha-Rang-Sa ở tại Los-
« Angeles, Califormie.

Kính bẩm Ngài,

«Tôi là dân Pha-Rang-Sa thuộc xứ Đông-Pháp. Tôi đi
«chơi vòng tròn trái đất đi hạng nhứt dưới tàu Nhựt-
« Bồn La Plata Maru. Ngày hôm kia, tàu đến khi một giờ
«xế. Lối hai giờ rưởi, hai ông Quan sở Tân-Đáo xuống
« tàu xét Bát-Bô, xong rồi, cho phép mấy người Trắng
«đi tàu lên bờ liền. Có một ông coi Bát-Bô của tôi rồi nói
« tiếng Pha-Rang-Sa với tôi rằng để rồi ông sẽ xét riêng
« phần tôi.

Té ra, đèn ngày hôm qua, mười hai giờ mười lăm « phút, buổi trưa tôi cùng những người da Vàng đi « tàu hạng nhứt mới được phép đi chơi Châu-Thành.

« Tôi trình Bát-bô của tôi quan Lớn coi trong dấy « để rõ ràng tôi là dân Pha-Rang-Sa mà họ không « kể. Tôi phiền hết sức cách đãi như vậy những tôi « quá, làm tôi mất ngày giờ, nên tôi phải bớt việc tôi sắp « đặt đi chơi.

« Xin quan làm ơn cho nhà nước Etats-Unis hay « các lời tôi thang đó.

« Xin Ngài hãy nhận cái tình tôi kinh trọng Ngài sâu.
« Tên tôi là Bùi-thanh-Vân, quan hưu trí ở đường « Jules Ferry tại Huế, Trung kỳ, thuộc Đông-Pháp.»

Tôi chép tờ chữ Pha-Rang-Sa luôn đây :

Los-Angeles, le 13 Août 1929.

« A Monsieur le Consul de France à Los-Angeles, Californie.

Monsieur le Consul,

« J'ai l'honneur de vous faire connaître que je suis « Citoyen Français de l'Indochine française. Je fais « le tour du monde à bord du navire japonnais La « Plata Maru à titre de passager de 1ère classe. Ce « bateau est arrivé, avant hier dans le port à une « heure de l'après-midi. Vers deux heures et demie, « deux fonctionnaires du service de l'Immigration sont « venus contrôler les passeports et n'ont autorisé que « les passagers blancs à descendre à terre. L'un d'eux « a pris connaissance du mien et m'a dit en français « qu'il reverrait mon cas plus tard.

« Or, seulement, hier, à midi quart, j'ai reçu la « permission d'aller en ville en même temps que les « voyageurs jaunes de première classe. Dans ces con- « ditions ma qualité de Français nettement mentionnée « dans le passeport que je vous communique a été mé- « connue. Très peiné d'un tel désaveu, lequel m'a cau- « sé un sérieux préjudice moral et la restriction de « mon projet d'excursions, faute de temps, je viens vous « prier de bien vouloir, à toutes fins utiles, transmettre « mes doléances à l'autorité des Etats-Unis.

« Veuillez agréer, Monsieur le Consul, l'hommage « de mon profond respect. »

« Mr Bùi-thanh-Vân, Fonctionnaire retraité, rue Jules « Ferry, à Huế, Annam, Indochine Française. »

Ấy đó, lấy sắc da làm đầu. Phải chiếu quyền tục mỗi nước.

Xứ nầy đương mùa hạ, người Trắng đi đầu trần ngoài trời nắng

Bên nước A-mê-ri-cơ, dùng nón lá, lát, rơm, Ba-na-ma.

Nhiều châu-thành đã cấm triệt những nhà gái, (maisons de tolérance). Song le, cho phép nhà hàng cơm nhà hàng rượu mời đàn bà, con gái đến cầm khách nhảy đầm. Người khách ưng nói chuyện cô nào thì phải đãi cơm, hay là rượu cho cô đó. Nhảy đầm, mỗi lần phải trả tiền từ một cắt bạc trở lên năm, bảy cắt cho chủ nhà hàng, giá cao thấp, tùy nhà hàng lớn, nhỏ. Chủ nhà hàng phải chia tiền thâu cho đờn bà. Nhảy quận nào trả tiền liền, quận là hết vòng, chừng năm mười phút đồng hồ.

Trừ Sânh-ga-bô và Co-lom-bô, trong các xứ tôi đi rồi đều thấy nhiều thứ trái cây bên Đông-Pháp. Nhưng mà không thấy trái và cây mãng-cầu an-nam, mãng-cầu Xiêm, măng-cụt, nhãn, vải. Hỏi thăm trong đồng có hay không ; mà không ai hiểu.

Bên phương thê-dới-mới (nouveau-monde ou Amérique chỗ nầy là châu-thành chót tôi đèn.

Ngày 14 Aout 1929, ba giờ chiều, tàu chạy thẳng về Nhựt-bồn ; chừng mười bảy (17) ngày sẽ đèn Yokohama (橫 濱)

NHỰT - BỒN

Từ ngày 31 Août đến ngày 2 Septembre 1929.

Bửa 31 Août 1929, khi bảy giờ sáng, tàu đến Yokohama 橫 濱 Vậy thì từ Lô-An-Dê-lê sang qua biển Pacifique cho đến Yokohama là mười bảy ngày trọn. Hồi ở dữa biển, nhằm ngày 26 Août, bị bảo lớn mười giờ đồng hồ. Sóng nước vô tàu, nhưng mà không có sự chi hại. Trong mấy tháng tôi đi, có một ngày đó là nặng lắm mà thôi.

Yokohama có chừng sáu trăm ngàn dân. — Trong năm 1923, tôi đã xem rồi. Bây giờ tôi không cần biết. Nên ngày 31 Août, khi tám giờ hai mươi phút buổi mai, tôi nhảy lên xe lửa express đi hạng nhứt xuống xứ Nagasaki 長 崎) đặng sang tàu về thẳng Hong-Kong. Đường xe lửa dài một ngàn năm trăm ngàn thước (1500 kilomètres), chạy hai mươi chính giờ đồng hồ (29 heures), giá bạc ba chục đồng. Đi dọc đường núi xanh nhiều, những cây thông, cây tùng, cây sầu-đâu, cây tre, Đồng bằng it lắm. Trồng lúa, kê, bo-bo, bắp, bí, bầu, dưa, cải, các thứ cũ, bông-sen, cam, trái-mận, dưa-hấu, nho, bom, boa, (poires) bết (pêches), hồng. Nhiều cái sông rộng đến một ngàn thước bề ngan mà cạng hết nước, bày đáy cát, đá sạng. Con nit đi ngan qua thong thả. Có cầu sắt và xi-măng.

Sút vật nhà bốn cẳng thì dời nơi khác cho ăn, không thấy, vì nhằm mùa trồng trỉa sợ để gần nó ăn phá. Còn loài chim cũng vắng vẽ. Có một đôi con dều bay trên trời và đứng dưới đất chực cá, chuột, rắn bắt ăn.

Ở nhà quê, ít dùng xe ô-tô. Thỉnh thoản thấy một cái xe ô-ô chạy rầm-rầm trên đường xấu lắm đồ đá, hoặc đất không. Trong những châu-thành cũng có đường đi tệ như vậy. Nơi mấy cái ga xe lửa lớn có vài chiếc xe ô-tô thấp-thoán đến đó. Đờn-ông, đờn-bà, bò, ngựa, xe gồ chở đồ. Đờn-ông và đờn-bà ngồi xe đạp (bicyclette) đi làm ăn, chớ không phải đi chơi.

Dọc đường, nhà ở và lò-máy đông mà nóc xám như bên A-mê-ri-cơ Bắc. Trong đồng, số một ngàn cái nhà tranh váng, thì có một cái nhà gạch, ngói. Mỗi ngày, ba chiến xe express chạy ngan qua lại, còn xe chạy chậm thêm nữa. Cảnh dọc đường xe lửa đẹp như đường cái quan từ Saigon ra Hanoi bên Đông-Pháp.

Nơi các ga, có bán cơm, cá, rau, cải, đựng trong hộp sạch và khéo, lại với bình đựng nước chè. Cả một hộp cơm và một cái bình có nước chè bằng sành giá bốn cắt bạc cả thảy. Chẳng hề có bán bánh mì nơi ga nào!

Ban đêm, nước Nhựt-Bổn như con rồng chói sáng ngời. Từ nhà lớn cho đến nhà tranh nhỏ như ổ chim trên chót núi, trong hố sâu cũng đều có đèn điện.

Còn dưới sông, ngoài biển, những ghe thuyền câu chạy máy mô-tơ, buờm, có hai cái đèn sáng trời, coi đẹp biết chừng nào!

Ấy vậy, ban đêm, nước Nhựt-Bổn đèn chói sáng không ai bì đặng.

Chiều năm giờ, ngày 1er Septembre, tôi đến Nagasaki. Tôi lại nhà hàng ngủ tên « Hôtel du Japon ». Kiểu tây, tốt, ăn đồ tây, ngủ mỗi ngày tám đồng bạc. Sáng 2 Septembre, tôi thất kinh hồn vía, tưởng sập nhà chết-vì đất rung, song nhẹ, không hề chi. — Lúc ấy, tôi còn nằm trên dường. Chiều hai giờ, tôi xuống tàu le Hawaii Maru cũng của hảng Osaka-Shosen-Kaisha, nên khỏi trả tiền. Qua tám giờ chạy về Hong-Kong. Khách hạng ba có gần một ngàn người Nhựt-Bổn.

Xe lửa đến Shimonoseki (下 關), bộ hành phải xuống xà-lúp qua sông hết mười lăm phút đồng hồ. Khỏi trả tiền. Rồi lên bờ châu-thành Motgi (門 司) lên xe lửa chạy luôn xuống Nagasaki (長 崎)

Ba cái châu-thành Shimonoseki, Motji và Nagasaki ở trên núi và gần biển nên giống nhau và dân mỗi châu-thành có hai trăm ngàn người. Trong Châu-thành Nagasaki, có gặp nhiều bà già răng đen. Vì xưa kia, con gái gần lấy chồng nhộm răng đen. Đời nay tục ấy đã bỏ rồi. Cách nhộm răng đen, thuở xưa không rõ rằng Nhựt-Bổn dạy hay là bắt chước người Annam?

Có nhiều người tàn-tật xin ngoài đường.

Đờn-bà mập hơn đờn-ông. — Còn việc làm nặng nề, thì đờn-ông và đờn-bà giỏi như nhau.

Ông Vacher, mấy năm trước làm quan giây-Thép nước tại Hải-phòng (commis du câble) Bây giờ ông sáu mươi lăm tuổi (65 ans), buôn bán tại Nagasaki, ông lại làm Lãnh-sự Pha-rang-Sa nữa (Consul de Prance). Biết tiếng Annam. Người đờn-bà Nhựt-Bổn già giúp việc nhà ông cũng biết tiếng Annam (servante). Hai người đều nói tiếng An-nam với tôi. Tôi mừng quá. Tại châu-Thành có chừng mười người Pha-rang-sa mà thôi, hết cả đều làm thầy tu và Bà-Phước.

Cách mấy lúc lâu rồi, có một người An-nam làm công dưới tàu, đau nằm nhà-thương, rồi phải qua đời.

HONG-KONG

Ngày 6 và 7 Septembre 1929

Ngày 6 Septembre, bảy giờ sáng tàu tới Hong-Kong. Vậy từ Nagasaki chạy bốn ngày qua đây. Người An-nam thường nghe tiếng Hong-Kong lắm. Là một hòn lao núi xưa kia trọc lóc. Rồi Nước Tàu cho người An-Gơ-Lê thuê một trăm năm. Bây giờ hạng gần hết. Châu-thành đẹp lắm và nơi vũng tàu đậu cũng vậy, có sáu trăm ngàn (600.000) các-chú ở làm ăn nên mới đặng rực rở như vậy, thiệt quí báu biết chừng nào.

Nota: Như muốn rõ thêm nhiều chuyện bên Nhựt-Bổn và Trung-Huê, mời xem sách của tôi làm năm 1923.

SAIGON — HUẾ

Ngày 7 Septembre, khi đúng ngọ tàu Hawaii Muru ở Hong-kong chạy. Ngày 10 Septembre, sáu giờ sáng đến Saigon. Quan sở Tân-Đáo và Thương-Chánh xuống tàu xét giấy Bát Bô và đồ vật. Tám giờ, tôi thuê ghe vô bờ châu-thành. Song ông Quan Thương - Chánh có lòng tốt mời tôi qua ngồi xa - lúp của ông mà vào Saigon. Tôi theo lời, nên phải nhớ ơn. Tuy không dùng đò, mà tôi phải cho năm cắt bạc đặng họ khỏi phiền. Người lành đải người lành.

Sở mật-thám ký tên Bát-Bô cho tôi về Huế. Ngày 13, khi bảy giờ rưởi tối, tôi ngồi xe lửa chạy mau về Huế. Đến Nha-trạng, ngày 14, khi bảy giờ sáng. Lên xe ô-tô rapide giá ba chục đồng bạc về đến Tourane khi bốn giờ sáng ngày 15. Té ra trể hết sáu giờ, vì xe hư, đèn tắt. Lệ thường phải tới khi mười giờ đêm 14. Kỳ tháng ba 1929, tôi vào Nha-Trang cũng trể sáu giờ.

Ngày 15, đi xe lửa về đến Huế hồi chính giờ ban mai.

Tôi lấy làm vui mừng được biết nhiều xứ, nhiều đều lạ; mạnh khỏe như thường, dọc đàng không khi nào đau một phút đồng hồ. Việc nhà đều tốt cả. Con quạ biết nói chào-ông, con vượn nhảy nhăn răng mừng. Tôi không mua vật chi đem về, vì sợ lôi thôi trể nải khai báo với sở Thương-Chánh. Có mua đồ nhỏ mọn dùng dọc đường.

Tổng cọng tốn phí hết cả là hai ngàn tám trăm đồng bạc (2.800$00.)

Kể dặm thêm: Theo đàng tôi đi, chẳng hề gặp một chiếc tàu binh xứ nào chạy ngoài biển.

Ý NGHĨ RIÊNG (RÉFLEXIONS.)

Nhớ kẻ làm ơn.

Khi ở dưới tàu, tôi hơi buồn, vì không biết nói tiếng ngoại quốc. Trong tủ sách của tàu nhiều sách, mà tôi không nhờ bao nhiêu, vì toàn sách chữ Nhựt-Bổn, An-gơ-lê. Tôi cứ coi sách hình (Illus trations). Có một quyển sách lớn quá khó lòng xách tên là Guide officiel 19:9 chữ An-gơ-lê. Sách coi cho biết các xứ đáng đến xem. Có Đông-Pháp, có hình bài giảng đều hay cho Saigon, Chợ-lớn, PnomPênh, Angkor, Hải-phòng, Hànội, Nam-định. Nhưng mà không có một lời nói, một cái hình thuộc Đại-Nam. — Tôi tức, song chẳng dám xét cớ nào Nhà nước không kể những đồ quí báu tại Huế, là Kinh-Đô vua ở ngự, lại với cách một trăm năm nay Huế là kinh-đô của toàn nước Annam độc-biệt. Bởi vậy, tại không hình không chữ (notice) tôi không biết lấy chi mà khoe với hai ông Du-lịch biết tiếng Pha-rang-sa rằng xứ Huế có vật quí (merveilles), khó hiểu khoản thiếu đó !

Hai ông ấy là một người nước Argentine (A-Danh-tin) tên Huguet, làm thầy thuốc riêng (privé). Ông đã đi chơi đủ vòng tròn trái đất, nên ổng về nhà tại Buénos-Ayres rồi. Tôi đã kể sự ổng ở tốt cùng tôi trong lúc đầu cái Nhựt-trình tôi đi đường rồi Ngày 17 juin, tôi có đến nhà ổng cám ơn nữa đặng qua ngày 18 tôi xuống đi sang xứ khác.

Ông kia tên Harold N-Saxton, là người A-Mé-ri-can ở tỉnh Nhiêu-Dót (Etat de New-york.) Ngày 24 juillet ổng xuống tàu tại xứ Nhiêu-ô-lê-an (New-orléans). Ông tử-tế quá. Tôi với ổng làm một bọn riêng (groupe spécial), Hai người nói tiếng pha-rang-sa luôn. Ông vui lòng mà giúp đở tôi. Mấy nơi tàu ghé, tôi với ổng đi chơi chung. Khi nào có việc cần phải tách nhau, thì ổng tự-nhiên mua sách, nhựt-trình chữ Pha-Rang-Sa đem về cho tôi giải buồn Tốt như vậy ít ai bì!

Ông sáu mươi tuổi, quan hưu-trí, góa vợ, có một con trai, và một con gái mà thôi. Hai người có vợ chồng rồi. Ông đã dạo chơi trong bốn mươi tám tỉnh của nước ông, đã qua nước An-gơ-lê, nước Pha-Rang-Sa, nước A-lơ-măng nước Belgique, Hollande, Susse, Egvpte rồi. Bây giờ đi dạo vòng cầu.

Thân thể ông vừa vừa, thiệt thà, lời nói bộ tịch (gestes) mặc áo quần tầm thường, ăn uống ít, không đánh cờ bạc, không hút thuốc. Đáng qní trọng ông lắm.

Tôi gởi thơ về bên Đông-Pháp không có biên lai, là có ý thử sở Nhà-Thơ có giữ sự thiệt thà mà đen đến nơi chăng.

Tôi mua tem dáng nơi thơ, bỏ vào hộc, mà trong số mười cái, mất một.

Tôi mặc đồ An-Nam, có ý để người An-nam gặp tôi dề nhìn. Song không khi nào thấy, trừ ra mấy nơi gặp, tôi đã kể rồi. Đi ngoài đường, người Trắng, Đen, thứ nhứt con gái, con trai chạy theo coi, cười vui, hỏi thăm người nước nào. Tôi trả lời rằng người An-nam, mà họ cho là người Nhựt-Bổn, hay là Các-Chú. Trừ ra người có học thì thạo hơn.

Trong toàn-cầu đều cho tiền thưởng, người Bồi (pour-boire). Tôi quên cho, thì mấy anh Bồi dưới Tàu, trên bờ, trên xe lửa, biểu phải cho, hoặc nói miệng, hoặc viết chữ.

Nước nào đều nói tiếug An-gơ-lê cả. Vậy xin Nhà-nước Đông-Pháp dạy tiếng Án-gơ-lê trong các trường học. Còn ai đã lớn rồi, cũng nên biết ít nhiều tiếng ấy, có lúc phải dùng đến. Tôi cứ bỏ theo luôn trong túi một quyển tự-vị nhỏ, tiếng An-gơ-lê và Pha-Rang-Sa. Tôi nhờ nó lắm.

Xứ Đông-Pháp bán ra ngoại quốc những vật trong rừng, núi, dưới đất, trồng-trĩa, trâu, bò, heo, gà, vịt, bầu-câu. Đồ dệt rồi, như vải lụa không có vì vừa đủ

dùng tại xứ. Những người nghèo nên nuôi heo, gà, vịt, bầu-câu cho nhiều mà bán qua Hong-Kong, Sanh-ga-bô là xứ gần và mau.

Cách mặc áo quần, An-nam đẹp. Đờn ông mặc theo tậy cũng hay, gọn, — Đờn bà phải để tóc, đờn ông nên hớt.

Nên bải bớt đốt pháo và giấy cúng.

Người Đông-Pháp ăn trầu nhiều hạng nhứt. Sự dơ-nhớp rõ ràng. Răng đen xấu xa, Mỗi năm mấy triệu đồng bạc nhai nhổ bỏ uổng. Nên bải sự ăn trầu, răng đen. Hút thuốc sạch và tiện hơn. Cây cau, giây trầu bớt lần, trồng cây khác có lợi hơn.

Rượu và Nha-phiến (opium) xin người Đông-Pháp bỏ giảm lần lần. Rồi Nhà-nước phải thôi bán bày thuế khác xứng đáng hơn. Được vậy, mấy ông Quân-Tử khỏi trách Nhà-nước bán thuốc độc.

Bên A-mê-ri-cơ uống rượu mấy ngàn năm, bây giờ cấm tuyệt đặng rồi, mười mấy năm.

Hiện bây giờ, một đôi người dám chứa cờ bạc lậu làm giàu. Ngày sau, quan cho trưng thuế cờ bạc, thì thuế cả nhơn-dân được nhờ. Phải mở nhà riêng cho Tây, An-nam, Trung-Huê, Chà-Và vân vân, Người lãnh trưng người làm công và người đánh đều một nước. Còn nước nào ít người mà không lãnh trưng riêng một sở được thì nên đánh chung với người nước khác. Cách ấy, khỏi trách Nhà-nước vị tình nước nào. Còn người chủ trưng, người làm công và người đánh một nước khỏi rầy lộn với nước khác.

Xin bải xe kéo (pousse-pousse). Dùng xe ngựa xe điện thế.

Xin Nhà-nước lập nhà Băng (Banques de l'Etat) hay là bảo lãnh nhà Băng (garantir les Banques) cho thiên hạ dạng gởi bạc, Đang bây giờ ai cũng sợ các hảng Băng lường gạt, rồi đóng cửa không trả bạc cho người gởi

Lúc nầy Nhà-nước nên làm ơn cho An-nam đem bạc gởi tại kho bạc nhà-nước trong mỗi tỉnh.

Người Đông-Pháp nên cho nhà-nước vay. Hoặc hùng với nhà-nước làm việc chi, hoặc hùng với các hội có nhà-nước bảo lãnh, thì khỏi sợ mất vốn nhiều.

Xin nhà-nước dạy người An-nam học đủ nghề nghiệp. Lập nhà trử vật trời sanh (musée d'histoire naturelle).

Cho phép người An-nam đi ngoại-quốc. Họ làm lỗi đều chi họ chịu.

Mỗi nha Phủ, Huyện nên đặt giây thép chữ (télégraphe), hoặc giây thép nói (téléphone) thông về tỉnh các nha Phủ, Huyện nhau. Nên có một thầy Anh-phê-mê và một cô Anh-phê-mê (Infirmiers) và thuốc chửa bịnh.

Xin Quan Pha-Rang-Sa và Quan An-nam đừng thâu lễ vật gì cả.

Người Đen theo một đạo với người Trắng hoặc catholicisme, hoặc protestantisme.

Tôi đã kể người A-mê-ri-can và An-gơ-lê đải người đen thiệt tệ. Sánh, người Pha-Rang-Sa đải người An-nam như anh em ruột. Hai bên đặng phép kết vợ chồng nhau. Được ăn, ngồi, chơi chung nhau. Qui trước con mắt. !

Vậy chúc cho hai Sắc Da biết thương nhau, chung cùng giúp nhau làm ăn, đặng giữ bền chặc công việc đã làm rồi và làm thêm việc mới cho hai nước đặng phước đời đời.

Trong lời ý nghĩ của tôi, thì có phải quấy thiên hạ đều rõ từ xưa nay. Vậy tôi phải giảm giảng nghĩa.

HẾT

DU MÊME AUTEUR

Relations de voyage en France....................	0$60
J'ai vu le Japon et la Chine en français..........	0. 60
J'ai vu le Japon et la Chine en quốc-ngữ........	0. 60
De Huế à Younnamfou..........................	0. 40
L'Annamite de la France................	0. 35
Relations de voyage aux Temples d'Angkor	0. 30
Aux Tombeaux Impériaux de Huế	0. 25
La caisse d'Epargne Annamite..................	0. 20
La couveuse Humaine	0. 20
Le Cheval Annamite	0. 20
Au pays des cultes............................	0. 15
Les Montagnes de marbre de Tourane	0. 15

